

THÔNG BÁO
Lịch giảng - lịch thi hệ đại học chính quy chương trình chất lượng cao
Học kỳ 1 NH 2023 - 2024

- HK1 bắt đầu từ tuần 1: Thứ Ba ngày 05/9/2023.

- Ngày nghỉ trong học kỳ:

+ Thứ 5 tuần 3, thứ 6 tuần 18: Sinh hoạt lớp

+ Tuần 12: thi KTHP đợt 1

+ Tuần 23: thi KTHP đợt 2
- + Thứ 2 tuần 10: Nghi Lễ giỗ Tổ Hùng Vương

+ Thứ 7, CN tuần 12, thứ 2, 3 tuần 13: Nghi Lễ 30/4 và 01/5

+ Sáng thứ 4 tuần 11: Đối thoại Nhà trường - Sinh viên

+ Thứ 7 tuần 4, 5: Thi Tin học, tiếng Anh đầu vào

Giờ học bắt đầu và kết thúc:

- Ca S: ca sáng (Từ tiết 1 - 5); Ca C: ca chiều (Từ tiết 6 - 10)
- Sáng

Tiết 1 - 3: từ 7h00 đến 9h15
Ra chơi: 9h15 - 9h35 (20 phút)
Tiết 4 - 5: từ 9h35 đến 11h05

Chiều

- Tiết 6 - 8: từ 13h00 đến 15h15
Ra chơi: 15h15 - 15h35 (20 phút)
Tiết 9 - 10: từ 15h35 đến 17h05

Ca thi - Giờ thi:

7g00	Ca S1:	7g00	13g00
9g30	Ca S2:	8g30	14g30
13g00	Ca S3:	10g00	16g00
15g30			

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
	KHÓA 9 NHÓM 1 (TCNH - Truyền thống)																				
1	ENP704_231_9_L01	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	2 7	1-5 1-5	2-9 8	401 401	36 TTD	NN	17/11/2023	1	1	Q.1	9	K9N1		
2	BAF301_231_9_TA_L01	Hoạt động kinh doanh ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	S	3	1-5	1-9	401	36 TTD	NH	14/11/2023	1	1	Q.1	9	K9N1		
3	FIN309_231_9_TA_L01	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	S	6	1-5	1-9	401	36 TTD	TC	15/11/2023	1	1	Q.1	9	K9N1		
4	FIN312_231_9_L01	Bảo hiểm (tự chọn)	3	45	Ngành	TCNH	S	5	1-5	1-9	401	36 TTD	TC	13/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N1		
5	ENS341_231_9_L01	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	TCNH	S	4	1-5	1-6	401	36 TTD	NN	07/11/2023	S1	1	Q.1	9	K9N1		PM
6	ENS332_231_9_L01	Reading & Writing 6	2	30	TATC	TCNH	S	7	1-5	1-7	401	36 TTD	NN	07/11/2023	3	1	Q.1	9	K9N1		
7	GYM304_231_9_L01	Học phần GDTC 4 (cầu lông)	1	30	GDTC	TCNH	C	3	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	12/12/2023	3	1	TĐ	9	K9N1		
8	MAG310_231_9_TA_L01	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	S	3	1-5	12-20	401	36 TTD	NH	30/01/2024	1	2	Q.1	9	K9N1		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
9	MLM308_231_9_L01	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GDĐC	TCNH	S	4	1-5	12-17	401	36 TTD	LLCT	25/01/2024	1	2	Q.1	9	K9N1		
10	BAF311_231_9_L01	Thẩm định dự án đầu tư	3	45	Ngành	TCNH	S	5	1-5	12-20	401	36 TTD	NH	26/01/2024	3	2	Q.1	9	K9N1		
11	ENS342_231_9_L01	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	TCNH	S	2	1-5	13-19	401	36 TTD	NN	23/01/2024	S1	2	Q.1	9	K9N1		PM
12	ENS333_231_9_L01	Reading & Writing 7	2	30	TATC	TCNH	S	6	1-5	12-17	401	36 TTD	NN	23/01/2024	3	2	Q.1	9	K9N1		
	KHÓA 9 NHÓM 2 (TCNH - Truyền thống)																				
1	ENP704_231_9_L02	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	2 7	1-5 1-5	2-9 8	401 401	36 TTD	NN	17/11/2023	1	1	Q.1	9	K9N2		
2	BAF301_231_9_TA_L02	Hoạt động kinh doanh ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	C	3	1-5	1-9	401	36 TTD	NH	14/11/2023	1	1	Q.1	9	K9N2		
3	FIN309_231_9_TA_L02	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	C	6	1-5	1-9	401	36 TTD	TC	15/11/2023	1	1	Q.1	9	K9N2		
4	FIN312_231_9_L02	Bảo hiểm (tự chọn)	3	45	Ngành	TCNH	C	5	1-5	1-9	401	36 TTD	TC	13/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N2		
5	ENS341_231_9_L02	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	TCNH	C	4	1-5	1-6	401	36 TTD	NN	07/11/2023	S1	1	Q.1	9	K9N2		PM
6	ENS332_231_9_L02	Reading & Writing 6	2	30	TATC	TCNH	C	7	1-5	1-7	401	36 TTD	NN	07/11/2023	3	1	Q.1	9	K9N2		
7	GYM304_231_9_L02	Học phần GDTC 4 (cầu lông)	1	30	GDTC	TCNH	S	3	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	12/12/2023	1	1	TĐ	9	K9N2		
8	MAG310_231_9_TA_L02	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	C	3	1-5	12-20	401	36 TTD	NH	30/01/2024	1	2	Q.1	9	K9N2		
9	MLM308_231_9_L02	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GDĐC	TCNH	C	4	1-5	12-17	401	36 TTD	LLCT	25/01/2024	1	2	Q.1	9	K9N2		
10	BAF311_231_9_L02	Thẩm định dự án đầu tư	3	45	Ngành	TCNH	C	5	1-5	12-20	401	36 TTD	NH	26/01/2024	3	2	Q.1	9	K9N2		
11	ENS342_231_9_L02	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	TCNH	C	2	1-5	13-19	401	36 TTD	NN	23/01/2024	S1	2	Q.1	9	K9N2		PM
12	ENS333_231_9_L02	Reading & Writing 7	2	30	TATC	TCNH	C	6	1-5	12-17	401	36 TTD	NN	23/01/2024	3	2	Q.1	9	K9N2		
	KHÓA 9 NHÓM 3 (TCNH - Truyền thống)																				
1	ENP704_231_9_L03	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	3	1-5	1-9	402	36 TTD	NN	17/11/2023	1	1	Q.1	9	K9N3		
2	BAF301_231_9_TA_L03	Hoạt động kinh doanh ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	C	4	1-5	1-9	402	36 TTD	NH	14/11/2023	1	1	Q.1	9	K9N3		
3	FIN309_231_9_TA_L03	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	C	7 6	1-5 1-5	1-9 7	402 402	36 TTD	TC	15/11/2023	1	1	Q.1	9	K9N3		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
4	BAF302_231_9_TA_L03	Kinh doanh ngoại hối (tự chọn) (TA)	3	45	Ngành	TCNH	C	5	1-5	1-9	402	36 TTD	NH	13/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N3		
5	ENS341_231_9_L03	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	TCNH	C	6	1-5	1-6	402	36 TTD	NN	07/11/2023	S1	1	Q.1	9	K9N3		PM
6	ENS332_231_9_L03	Reading & Writing 6	2	30	TATC	TCNH	C	2	1-5	2-7	402	36 TTD	NN	07/11/2023	3	1	Q.1	9	K9N3		
7	GYM304_231_9_L03	Học phần GDTC 4 (cầu lông)	1	30	GDTC	TCNH	S	3	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	12/12/2023	2	1	TĐ	9	K9N3		
8	MAG310_231_9_TA_L03	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	C	4	1-5	12-20	402	36 TTD	NH	30/01/2024	1	2	Q.1	9	K9N3		
9	MLM308_231_9_L03	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GDĐC	TCNH	C	5	1-5	12-17	402	36 TTD	LLCT	25/01/2024	1	2	Q.1	9	K9N3		
10	BAF311_231_9_L03	Thẩm định dự án đầu tư	3	45	Ngành	TCNH	C	6	1-5	12-20	402	36 TTD	NH	26/01/2024	3	2	Q.1	9	K9N3		
11	ENS342_231_9_L03	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	TCNH	C	3	1-5	12 13-14 15-17	503 B2.802 503	36 TTD TĐ 36 TTD	NN	23/01/2024	S1	2	Q.1	9	K9N3		PM
12	ENS333_231_9_L03	Reading & Writing 7	2	30	TATC	TCNH	C	2	1-5	13-19	402	36 TTD	NN	23/01/2024	3	2	Q.1	9	K9N3		
	KHÓA 9 NHÓM 4 (TCNH - Fintech)																				
1	ENP704_231_9_L04	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5	1-5	1-9	402	36 TTD	NN	17/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N4		
2	BAF301_231_9_TA_L04	Hoạt động kinh doanh ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	S	7 4	1-5 1-5	1-9 7	402 401	36 TTD	NH	14/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N4		
3	FIN309_231_9_TA_L04	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	S	3	1-5	1-9	402	36 TTD	TC	15/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N4		
4	DAT701_231_9_L04	Chuỗi khối (tự chọn)	3	45	Ngành	TCNH	S	2 2 2 4	1-5 1-5 1-5 1-5	2-4 5-8 9 8	402 201 402 401	36 TTD 39 HN 36 TTD 36 TTD	BMT	13/11/2023	1	1	Q.1	9	K9N4	PM4 (5-8)	
5	ENS341_231_9_L04	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	TCNH	S	4	1-5	1-4 5-6	402 B2.801	36 TTD TĐ	NN	07/11/2023	S2	1	Q.1	9	K9N4		PM
6	ENS332_231_9_L04	Reading & Writing 6	2	30	TATC	TCNH	S	6	1-5	1-6	402	36 TTD	NN	07/11/2023	4	1	Q.1	9	K9N4		
7	GYM304_231_9_L04	Học phần GDTC 4 (cầu lông)	1	30	GDTC	TCNH	C	3	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	12/12/2023	4	1	TĐ	9	K9N4		
8	MAG310_231_9_TA_L04	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	S	4	1-5	12-20	402	36 TTD	NH	30/01/2024	1	2	Q.1	9	K9N4		
9	MLM308_231_9_L04	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GDĐC	TCNH	S	5	1-5	12 13-14 15-17	402 B2.802 402	36 TTD TĐ 36 TTD	LLCT	25/01/2024	1	2	Q.1	9	K9N4		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
10	BAF311_231_9_L04	Thẩm định dự án đầu tư	3	45	Ngành	TCNH	S	6	1-5	12-20	402	36 TTD	NH	26/01/2024	3	2	Q.1	9	K9N4		
11	ENS342_231_9_L04	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	TCNH	S	3	1-5	12 13-14 15-17	505 B2.801 505	36 TTD TD 36 TTD	NN	23/01/2024	S2	2	Q.1	9	K9N4		PM
12	ENS333_231_9_L04	Reading & Writing 7	2	30	TATC	TCNH	S	2	1-5	13-19	402	36 TTD	NN	23/01/2024	3	2	Q.1	9	K9N4		
	KHÓA 9 NHÓM 5 (TCNH - Fintech)																				
1	ENP704_231_9_L05	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	5	1-5	1-9	403	36 TTD	NN	17/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N5		
2	BAF301_231_9_TA_L05	Hoạt động kinh doanh ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	C	7 4	1-5 1-5	1-9 7	403 401	36 TTD	NH	14/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N5		
3	FIN309_231_9_TA_L05	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	C	3	1-5	1-9	403	36 TTD	TC	15/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N5		
4	DAT701_231_9_L05	Chuỗi khối (tự chọn)	3	45	Ngành	TCNH	C	2 2 2 4	1-5 1-5 1-5 1-5	2-4 5-8 9 8	403 201 403 401	36 TTD 39 HN 36 TTD 36 TTD	BMT	13/11/2023	1	1	Q.1	9	K9N5	PM4 (5-8)	
5	ENS341_231_9_L05	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	TCNH	C	4	1-5	1-4 5-6	403 B2.702	36 TTD TD	NN	07/11/2023	S2	1	Q.1	9	K9N5		PM
6	ENS332_231_9_L05	Reading & Writing 6	2	30	TATC	TCNH	C	6	1-5	1-6	403	36 TTD	NN	07/11/2023	4	1	Q.1	9	K9N5		
7	GYM304_231_9_L05	Học phần GDTC 4 (cầu lông)	1	30	GDTC	TCNH	S	4	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TD	GDTC	13/12/2023	1	1	TD	9	K9N5		
8	MAG310_231_9_TA_L05	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	C	6	1-5	12-20	403	36 TTD	NH	30/01/2024	1	2	Q.1	9	K9N5		
9	MLM308_231_9_L05	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GDDB	TCNH	C	7	1-5	12-19	401	36 TTD	LLCT	25/01/2024	2	2	Q.1	9	K9N5		
10	BAF311_231_9_L05	Thẩm định dự án đầu tư	3	45	Ngành	TCNH	C	3	1-5	12-20	403	36 TTD	NH	26/01/2024	3	2	Q.1	9	K9N5		
11	ENS342_231_9_L05	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	TCNH	C	4	1-5	12 13-14 15-17	406 B2.701 406	36 TTD TD 36 TTD	NN	23/01/2024	S2	2	Q.1	9	K9N5		PM
12	ENS333_231_9_L05	Reading & Writing 7	2	30	TATC	TCNH	C	5	1-5	12-17	B2.802	TD	NN	23/01/2024	4	2	Q.1	9	K9N5		
	KHÓA 9 NHÓM 6 (TCNH - Fintech)																				
1	ENP704_231_9_L06	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	7 2	1-5 1-5	1-9 8	403 403	36 TTD	NN	17/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N6		
2	BAF301_231_9_TA_L06	Hoạt động kinh doanh ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	S	6	1-5	1-9	403	36 TTD	NH	14/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N6		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
3	FIN309_231_9_TA_L06	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	S	5	1-5	1-9	403	36 TTD	TC	15/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N6		
4	DAT704_231_9_L06	Học máy (tự chọn)	3	60	Ngành	TCNH	S	4 4 4 3	1-5 1-5 1-5 1-5	1-4 5-8 9 7-9	403 203 403 403	36 TTD 39 HN 36 TTD 36 TTD	BMT	13/11/2023	1	1	Q.1	9	K9N6	PM4 (5-8)	
5	ENS341_231_9_L06	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	TCNH	S	2	1-5	2-7	403	36 TTD	NN	07/11/2023	S2	1	Q.1	9	K9N6		PM
6	ENS332_231_9_L06	Reading & Writing 6	2	30	TATC	TCNH	S	3	1-5	1-6	403	36 TTD	NN	07/11/2023	4	1	Q.1	9	K9N6		
7	GYM304_231_9_L06	Học phần GDTC 4 (cầu lông)	1	30	GDTC	TCNH	C	4	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	13/12/2023	3	1	TĐ	9	K9N6		
8	MAG310_231_9_TA_L06	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	S	6	1-5	12-20	403	36 TTD	NH	30/01/2024	2	2	Q.1	9	K9N6		
9	MLM308_231_9_L06	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GDĐC	TCNH	S	7	1-5	12-19	401	36 TTD	LLCT	25/01/2024	2	2	Q.1	9	K9N6		
10	BAF311_231_9_L06	Thẩm định dự án đầu tư	3	45	Ngành	TCNH	S	3	1-5	12-20	403	36 TTD	NH	26/01/2024	3	2	Q.1	9	K9N6		
11	ENS342_231_9_L06	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	TCNH	S	4	1-5	12 13-14 15-17	505 B2.604 B2.503	36 TTD TĐ TĐ	NN	23/01/2024	S2	2	Q.1	9	K9N6		PM
12	ENS333_231_9_L06	Reading & Writing 7	2	30	TATC	TCNH	S	5	1-5	12-17	B2.803	TĐ	NN	23/01/2024	4	2	Q.1	9	K9N6		
	KHÓA 9 NHÓM 7 (TCNH - Fintech)																				
1	ENP704_231_9_L07	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	7 2	1-5 1-5	1-9 8	404 402	36 TTD	NN	17/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N7		
2	BAF301_231_9_TA_L07	Hoạt động kinh doanh ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	C	6	1-5	1-9	404	36 TTD	NH	14/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N7		
3	FIN309_231_9_TA_L07	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	C	5	1-5	1-9	404	36 TTD	TC	15/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N7		
4	DAT704_231_9_L07	Học máy (tự chọn)	3	60	Ngành	TCNH	C	4 4 4 3	1-5 1-5 1-5 1-5	1-4 5-8 9 7-9	404 203 404 501	36 TTD 39 HN 36 TTD 36 TTD	BMT	13/11/2023	1	1	Q.1	9	K9N7	PM4 (5-8)	
5	ENS341_231_9_L07	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	TCNH	C	2	1-5	2-7	404	36 TTD	NN	07/11/2023	C1	1	Q.1	9	K9N7		PM
6	ENS332_231_9_L07	Reading & Writing 6	2	30	TATC	TCNH	C	3	1-5	1-4 5-6	404 B2.801	36 TTD TĐ	NN	07/11/2023	1	1	Q.1	9	K9N7		
7	GYM304_231_9_L07	Học phần GDTC 4 (cầu lông)	1	30	GDTC	TCNH	S	4	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	13/12/2023	2	1	TĐ	9	K9N7		
8	MAG310_231_9_TA_L07	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	C	5	1-5	12-20	403	36 TTD	NH	30/01/2024	2	2	Q.1	9	K9N7		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
9	MLM308_231_9_L07	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GDĐC	TCNH	C	3	1-5	12 13-14 15-17	404 B2.803 404	36 TTD TD 36 TTD	LLCT	25/01/2024	2	2	Q.1	9	K9N7		
10	BAF311_231_9_L07	Thẩm định dự án đầu tư	3	45	Ngành	TCNH	C	4	1-5	12-20	403	36 TTD	NH	26/01/2024	4	2	Q.1	9	K9N7		
11	ENS342_231_9_L07	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	TCNH	C	6	1-5	12-17	404	36 TTD	NN	23/01/2024	S3	2	Q.1	9	K9N7		PM
12	ENS333_231_9_L07	Reading & Writing 7	2	30	TATC	TCNH	C	7	1-5	12-19	402	36 TTD	NN	23/01/2024	4	2	Q.1	9	K9N7		
	KHÓA 9 NHÓM 8 (TCNH - Truyền thống)																				
1	ENP704_231_9_L08	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5	1-5	1-9	B2.102	TD	NN	17/11/2023	1	1	TD	9	K9N8		
2	BAF301_231_9_TA_L08	Hoạt động kinh doanh ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	S	7 4	1-5 1-5	1-9 7	B2.102 B2.105	TD	NH	14/11/2023	1	1	TD	9	K9N8		
3	BAF311_231_9_L08	Thẩm định dự án đầu tư	3	45	Ngành	TCNH	S	3	1-5	1-9	B2.102	TD	NH	15/11/2023	1	1	TD	9	K9N8		
4	FIN312_231_9_L08	Bảo hiểm (tự chọn)	3	45	Ngành	TCNH	S	2 6	1-5 1-5	2-9 7	B2.403 B2.102	TD	TC	13/11/2023	1	1	TD	9	K9N8		
5	ENS341_231_9_L08	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	TCNH	S	4	1-5	1-6	B2.102	TD	NN	07/11/2023	S1	1	TD	9	K9N8		PM
6	ENS332_231_9_L08	Reading & Writing 6	2	30	TATC	TCNH	S	6	1-5	1-6	B2.102	TD	NN	07/11/2023	3	1	TD	9	K9N8		
7	GYM304_231_9_L08	Học phần GDTC 4 (cầu lông)	1	30	GDTC	TCNH	C	4	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TD	GDTC	13/12/2023	4	1	TD	9	K9N8		
8	MAG310_231_9_TA_L08	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	S	5	1-5	12-20	B20102	TD	NH	30/01/2024	1	2	TD	9	K9N8		
9	FIN309_231_9_TA_L08	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	S	2 6	1-5 1-5	13-20 18-19	B2.504 B2.202	TD	TC	26/01/2024	3	2	TD	9	K9N8		
10	MLM308_231_9_L08	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GDĐC	TCNH	S	3	1-5	12-17	B2.102	TD	LLCT	25/01/2024	1	2	TD	9	K9N8		
11	ENS342_231_9_L08	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	TCNH	S	6	1-5	12-17	B2.102	TD	NN	23/01/2024	S1	2	TD	9	K9N8		PM
12	ENS333_231_9_L08	Reading & Writing 7	2	30	TATC	TCNH	S	7	1-5	12-19	B2.102	TD	NN	23/01/2024	3	2	TD	9	K9N8		
	KHÓA 9 NHÓM 9 (TCNH - Truyền thống)																				
1	ENP704_231_9_L09	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	5	1-5	1-9	B2.102	TD	NN	17/11/2023	1	1	TD	9	K9N9		
2	BAF301_231_9_TA_L09	Hoạt động kinh doanh ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	C	7 4	1-5 1-5	1-9 7	B2.102 B2.102	TD	NH	14/11/2023	1	1	TD	9	K9N9		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
3	BAF311_231_9_L09	Thẩm định dự án đầu tư	3	45	Ngành	TCNH	C	3	1-5	1-9	B2.102	TĐ	NH	15/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N9		
4	FIN312_231_9_L09	Bảo hiểm (tự chọn)	3	45	Ngành	TCNH	C	2 6	1-5 1-5	2-9 7	B2.102 B2.102	TĐ	TC	13/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N9		
5	ENS341_231_9_L09	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	TCNH	C	4	1-5	1-6	B2.102	TĐ	NN	07/11/2023	S1	1	TĐ	9	K9N9		PM
6	ENS332_231_9_L09	Reading & Writing 6	2	30	TATC	TCNH	C	6	1-5	1-6	B2.102	TĐ	NN	07/11/2023	3	1	TĐ	9	K9N9		
7	GYM304_231_9_L09	Học phần GDTC 4 (cầu lông)	1	30	GDTC	TCNH	S	5	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	14/12/2023	1	1	TĐ	9	K9N9		
8	MAG310_231_9_TA_L09	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	C	7 4	1-5 1-5	12-20 18-19	B2.102 B2.102	TĐ	NH	30/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N9		
9	FIN309_231_9_TA_L09	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	C	6	1-5	12-20	B2.102	TĐ	TC	26/01/2024	3	2	TĐ	9	K9N9		
10	MLM308_231_9_L09	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GĐBC	TCNH	C	5	1-5	12-17	B2.102	TĐ	LLCT	25/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N9		
11	ENS342_231_9_L09	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	TCNH	C	4	1-5	12-17	B2.102	TĐ	NN	23/01/2024	S1	2	TĐ	9	K9N9		PM
12	ENS333_231_9_L09	Reading & Writing 7	2	30	TATC	TCNH	C	3	1-5	12-17	B2.102	TĐ	NN	23/01/2024	3	2	TĐ	9	K9N9		
	KHÓA 9 NHÓM 10 (TCNH - Truyền thống)																				
1	ENP704_231_9_L10	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	6	1-5	1-9	B2.103	TĐ	NN	17/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N10		
2	BAF301_231_9_TA_L10	Hoạt động kinh doanh ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	S	5	1-5	1-9	B2.103	TĐ	NH	14/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N10		
3	BAF311_231_9_L10	Thẩm định dự án đầu tư	3	45	Ngành	TCNH	S	7 3	1-5 1-5	1-9 7	B2.103 B2.203	TĐ	NH	15/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N10		
4	BAF302_231_9_TA_L10	Kinh doanh ngoại hối (tự chọn) (TA)	3	45	Ngành	TCNH	S	4	1-5	1-9	B2.103	TĐ	NH	13/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N10		
5	ENS341_231_9_L10	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	TCNH	S	2	1-5	2-7	B2.102	TĐ	NN	07/11/2023	S1	1	TĐ	9	K9N10		PM
6	ENS332_231_9_L10	Reading & Writing 6	2	30	TATC	TCNH	S	3	1-5	1-6	B2.103	TĐ	NN	07/11/2023	3	1	TĐ	9	K9N10		
7	GYM304_231_9_L10	Học phần GDTC 4 (cầu lông)	1	30	GDTC	TCNH	C	5	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	14/12/2023	3	1	TĐ	9	K9N10		
8	MAG310_231_9_TA_L10	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	S	7 4	1-5 1-5	12-20 18-19	B2.103 B2.102	TĐ	NH	30/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N10		
9	FIN309_231_9_TA_L10	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	S	6	1-5	12-20	B2.103	TĐ	TC	26/01/2024	3	2	TĐ	9	K9N10		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
10	MLM308_231_9_L10	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GDBC	TCNH	S	5	1-5	12-17	B2.103	TĐ	LLCT	25/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N10		
11	ENS342_231_9_L10	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	TCNH	S	4	1-5	12-17	B2.102	TĐ	NN	23/01/2024	S1	2	TĐ	9	K9N10		PM
12	ENS333_231_9_L10	Reading & Writing 7	2	30	TATC	TCNH	S	3	1-5	12-17	B2.103	TĐ	NN	23/01/2024	3	2	TĐ	9	K9N10		
	KHÓA 9 NHÓM 11 (TCNH - Truyền thống)																				
1	ENP704_231_9_L11	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	6	1-5	1-9	B2.103	TĐ	NN	17/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N11		
2	BAF301_231_9_TA_L11	Hoạt động kinh doanh ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	C	5	1-5	1-9	B2.103	TĐ	NH	14/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N11		
3	BAF311_231_9_L11	Thẩm định dự án đầu tư	3	45	Ngành	TCNH	C	7 3	1-5 1-5	1-9 7	B2.103 B2.206	TĐ	NH	15/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N11		
4	BAF302_231_9_TA_L11	Kinh doanh ngoại hối (tự chọn) (TA)	3	45	Ngành	TCNH	C	4	1-5	1-9	B2.103	TĐ	NH	13/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N11		
5	ENS341_231_9_L11	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	TCNH	C	2	1-5	2-7	B2.103	TĐ	NN	07/11/2023	S2	1	TĐ	9	K9N11		PM
6	ENS332_231_9_L11	Reading & Writing 6	2	30	TATC	TCNH	C	3	1-5	1-6	B2.103	TĐ	NN	07/11/2023	3	1	TĐ	9	K9N11		
7	GYM304_231_9_L11	Học phần GDTC 4 (cầu lông)	1	30	GDTC	TCNH	S	5	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	14/12/2023	2	1	TĐ	9	K9N11		
8	MAG310_231_9_TA_L11	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	C	4	1-5	12-20	B2.103	TĐ	NH	30/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N11		
9	FIN309_231_9_TA_L11	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	C	5	1-5	12-20	B2.103	TĐ	TC	26/01/2024	3	2	TĐ	9	K9N11		
10	MLM308_231_9_L11	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GDBC	TCNH	C	7	1-5	12-19	B2.103	TĐ	LLCT	25/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N11		
11	ENS342_231_9_L11	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	TCNH	C	3	1-5	12-17	B2.103	TĐ	NN	23/01/2024	S2	2	TĐ	9	K9N11		PM
12	ENS333_231_9_L11	Reading & Writing 7	2	30	TATC	TCNH	C	6	1-5	12-17	B2.103	TĐ	NN	23/01/2024	3	2	TĐ	9	K9N11		
	KHÓA 9 NHÓM 12 (TCNH - Fintech)																				
1	ENP704_231_9_L12	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	2 7	1-5 1-5	2-9 8	B2.404 B2.104	TĐ	NN	17/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N12		
2	BAF301_231_9_TA_L12	Hoạt động kinh doanh ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	S	6	1-5	1-9	B2.104	TĐ	NH	14/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N12		
3	BAF311_231_9_L12	Thẩm định dự án đầu tư	3	45	Ngành	TCNH	S	4	1-5	1-9	B2.104	TĐ	NH	15/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N12		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
4	DAT704_231_9_L12	Học máy (tự chọn)	3	60	Ngành	TCNH	S	3 3 5	1-5 1-5 1-5	1-5 6-9 7-9	B2.104 C306 B2.104	TĐ	BMT	13/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N12	PM4 (6-9)	
5	ENS341_231_9_L12	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	TCNH	S	5	1-5	1-6	B2.104	TĐ	NN	07/11/2023	S2	1	TĐ	9	K9N12		PM
6	ENS332_231_9_L12	Reading & Writing 6	2	30	TATC	TCNH	S	7	1-5	1-7	B2.104	TĐ	NN	07/11/2023	3	1	TĐ	9	K9N12		
7	GYM304_231_9_L12	Học phần GDTC 4 (cầu lông)	1	30	GDTC	TCNH	C	5	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	14/12/2023	4	1	TĐ	9	K9N12		
8	MAG310_231_9_TA_L12	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	S	4	1-5	12-20	B2.103	TĐ	NH	30/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N12		
9	FIN309_231_9_TA_L12	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	S	5	1-5	12-20	B2.104	TĐ	TC	26/01/2024	3	2	TĐ	9	K9N12		
10	MLM308_231_9_L12	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GDĐC	TCNH	S	7	1-5	12-19	B2.104	TĐ	LLCT	25/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N12		
11	ENS342_231_9_L12	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	TCNH	S	3	1-5	12-17	B2.104	TĐ	NN	23/01/2024	S2	2	TĐ	9	K9N12		PM
12	ENS333_231_9_L12	Reading & Writing 7	2	30	TATC	TCNH	S	6	1-5	12-17	B2.104	TĐ	NN	23/01/2024	3	2	TĐ	9	K9N12		
	KHÓA 9 NHÓM 13 (TCNH - Fintech)																				
1	ENP704_231_9_L13	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	2 7	1-5 1-5	2-9 8	B2.104 B2.104	TĐ	NN	17/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N13		
2	BAF301_231_9_TA_L13	Hoạt động kinh doanh ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	C	6	1-5	1-9	B2.104	TĐ	NH	14/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N13		
3	BAF311_231_9_L13	Thẩm định dự án đầu tư	3	45	Ngành	TCNH	C	4	1-5	1-9	B2.104	TĐ	NH	15/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N13		
4	DAT704_231_9_L13	Học máy (tự chọn)	3	60	Ngành	TCNH	C	3 3 5	1-5 1-5 1-5	1-5 6-9 7-9	B2.604 C306 B2.104	TĐ	BMT	13/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N13	PM4 (6-9)	
5	ENS341_231_9_L13	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	TCNH	C	5	1-5	1-6	B2.104	TĐ	NN	07/11/2023	S2	1	TĐ	9	K9N13		PM
6	ENS332_231_9_L13	Reading & Writing 6	2	30	TATC	TCNH	C	7	1-5	1-7	B2.104	TĐ	NN	07/11/2023	4	1	TĐ	9	K9N13		
7	GYM304_231_9_L13	Học phần GDTC 4 (cầu lông)	1	30	GDTC	TCNH	S	6	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	15/12/2023	1	1	TĐ	9	K9N13		
8	MAG310_231_9_TA_L13	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	C	6	1-5	12-20	B2.104	TĐ	NH	30/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N13		
9	FIN309_231_9_TA_L13	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	C	3	1-5	12-20	B2.104	TĐ	TC	26/01/2024	3	2	TĐ	9	K9N13		
10	MLM308_231_9_L13	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GDĐC	TCNH	C	4	1-5	12-17	B2.104	TĐ	LLCT	25/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N13		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
11	ENS342_231_9_L13	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	TCNH	C	2	1-5	13-19	B2.102	TĐ	NN	23/01/2024	S2	2	TĐ	9	K9N13		PM
12	ENS333_231_9_L13	Reading & Writing 7	2	30	TATC	TCNH	C	5	1-5	12-17	B2.104	TĐ	NN	23/01/2024	4	2	TĐ	9	K9N13		
	KHÓA 9 NHÓM 14 (TCNH - Fintech)																				
1	ENP704_231_9_L14	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	7 2	1-5 1-5	1-9 8	B2.105 B2.102	TĐ	NN	17/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N14		
2	BAF301_231_9_TA_L14	Hoạt động kinh doanh ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	S	3	1-5	1-9	B2.105	TĐ	NH	14/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N14		
3	BAF311_231_9_L14	Thẩm định dự án đầu tư	3	45	Ngành	TCNH	S	6	1-5	1-9	B2.105	TĐ	NH	15/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N14		
4	DAT704_231_9_L14	Học máy (tự chọn)	3	60	Ngành	TCNH	S	5 5 4	1-5 1-5 1-5	1-5 6-9 7-9	B2.105 C304 B2.107	TĐ	BMT	13/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N14	PM4 (6-9)	
5	ENS341_231_9_L14	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	TCNH	S	4	1-5	1-6	B2.105	TĐ	NN	07/11/2023	S3	1	TĐ	9	K9N14		PM
6	ENS332_231_9_L14	Reading & Writing 6	2	30	TATC	TCNH	S	2	1-5	2-7	B2.104	TĐ	NN	07/11/2023	4	1	TĐ	9	K9N14		
7	GYM304_231_9_L14	Học phần GDTC 4 (cầu lông)	1	30	GDTC	TCNH	C	6	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	15/12/2023	3	1	TĐ	9	K9N14		
8	MAG310_231_9_TA_L14	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	S	6	1-5	12-20	B2.105	TĐ	NH	30/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N14		
9	FIN309_231_9_TA_L14	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	S	3	1-5	12-20	B2.105	TĐ	TC	26/01/2024	3	2	TĐ	9	K9N14		
10	MLM308_231_9_L14	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GDĐC	TCNH	S	4	1-5	12-17	B2.104	TĐ	LLCT	25/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N14		
11	ENS342_231_9_L14	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	TCNH	S	2	1-5	13-19	B2.102	TĐ	NN	23/01/2024	S3	2	TĐ	9	K9N14		PM
12	ENS333_231_9_L14	Reading & Writing 7	2	30	TATC	TCNH	S	5	1-5	12-17	B2.105	TĐ	NN	23/01/2024	4	2	TĐ	9	K9N14		
	KHÓA 9 NHÓM 15 (TCNH - Fintech)																				
1	ENP704_231_9_L15	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	7 2	1-5 1-5	1-9 8	B2.105 B2.103	TĐ	NN	17/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N15		
2	BAF301_231_9_TA_L15	Hoạt động kinh doanh ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	C	3	1-5	1-9	B2.104	TĐ	NH	14/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N15		
3	BAF311_231_9_L15	Thẩm định dự án đầu tư	3	45	Ngành	TCNH	C	6	1-5	1-9	B2.105	TĐ	NH	15/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N15		
4	DAT701_231_9_L15	Chuỗi khối (tự chọn)	3	45	Ngành	TCNH	C	5 5	1-5 1-5	1-5 6-9	B2.105 C306	TĐ	BMT	13/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N15	PM4 (6-9)	

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
5	ENS341_231_9_L15	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	TCNH	C	4	1-5	1-6	B2.105	TĐ	NN	07/11/2023	S3	1	TĐ	9	K9N15		PM
6	ENS332_231_9_L15	Reading & Writing 6	2	30	TATC	TCNH	C	2	1-5	2-7	B2.105	TĐ	NN	07/11/2023	4	1	TĐ	9	K9N15		
7	GYM304_231_9_L15	Học phần GDTC 4 (cầu lông)	1	30	GDTC	TCNH	S	6	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	15/12/2023	2	1	TĐ	9	K9N15		
8	MAG310_231_9_TA_L15	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	C	3	1-5	12-20	B2.105	TĐ	NH	30/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N15		
9	FIN309_231_9_TA_L15	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	C	7 5	1-5 1-5	12-20 18-19	B2.104 B2.102	TĐ	TC	26/01/2024	3	2	TĐ	9	K9N15		
10	MLM308_231_9_L15	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GDĐC	TCNH	C	6	1-5	12-17	B2.105	TĐ	LLCT	25/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N15		
11	ENS342_231_9_L15	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	TCNH	C	5	1-5	12-17	B2.105	TĐ	NN	23/01/2024	S3	2	TĐ	9	K9N15		PM
12	ENS333_231_9_L15	Reading & Writing 7	2	30	TATC	TCNH	C	2	1-5	13-19	B2.103	TĐ	NN	23/01/2024	4	2	TĐ	9	K9N15		
	KHÓA 9 NHÓM 16 (TCNH - Fintech)																				
1	ENP704_231_9_L16	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	7 6	1-5 1-5	1-9 7	B2.106 B2.106	TĐ	NN	17/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N16		
2	BAF301_231_9_TA_L16	Hoạt động kinh doanh ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	S	4	1-5	1-9	B2.106	TĐ	NH	14/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N16		
3	BAF311_231_9_L16	Thẩm định dự án đầu tư	3	45	Ngành	TCNH	S	5	1-5	1-9	B2.106	TĐ	NH	15/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N16		
4	DAT701_231_9_L16	Chuỗi khối (tự chọn)	3	45	Ngành	TCNH	S	3 3	1-5 1-5	1-5 6-9	C604 C304	TĐ	BMT	13/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N16	PM4 (6-9)	
5	ENS341_231_9_L16	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	TCNH	S	2	1-5	1-6	B2.103	TĐ	NN	07/11/2023	S3	1	TĐ	9	K9N16		PM
6	ENS332_231_9_L16	Reading & Writing 6	2	30	TATC	TCNH	S	6	1-5	1-6	B2.106	TĐ	NN	07/11/2023	4	1	TĐ	9	K9N16		
7	GYM304_231_9_L16	Học phần GDTC 4 (cầu lông)	1	30	GDTC	TCNH	C	6	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	15/12/2023	4	1	TĐ	9	K9N16		
8	MAG310_231_9_TA_L16	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	S	3	1-5	12-20	B2.106	TĐ	NH	30/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N16		
9	FIN309_231_9_TA_L16	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	S	7 5	1-5 1-5	12-20 18-19	B2.105 B2.103	TĐ	TC	26/01/2024	3	2	TĐ	9	K9N16		
10	MLM308_231_9_L16	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GDĐC	TCNH	S	6	1-5	12-17	B2.106	TĐ	LLCT	25/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N16		
11	ENS342_231_9_L16	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	TCNH	S	5	1-5	12-17	B2.106	TĐ	NN	23/01/2024	S3	2	TĐ	9	K9N16		PM

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
12	ENS333_231_9_L16	Reading & Writing 7	2	30	TATC	TCNH	S	2	1-5	13-19	B2.103	TĐ	NN	23/01/2024	4	2	TĐ	9	K9N16		
	KHÓA 9 NHÓM 17 (TCNH - Fintech)																				
1	ENP704_231_9_L17	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	7 6	1-5 1-5	1-9 7	B2.106 B2.106	TĐ	NN	17/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N17		
2	BAF301_231_9_TA_L17	Hoạt động kinh doanh ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	C	4	1-5	1-9	B2.106	TĐ	NH	14/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N17		
3	BAF311_231_9_L17	Thẩm định dự án đầu tư	3	45	Ngành	TCNH	C	5	1-5	1-9	B2.106	TĐ	NH	15/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N17		
4	DAT701_231_9_L17	Chuỗi khối (tự chọn)	3	45	Ngành	TCNH	C	3 3 3	1-5 1-5 1-5	1-5 6 7-9	B2.105 C304 C301	TĐ	BMT	13/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N17	PM4 (6-9)	
5	ENS341_231_9_L17	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	TCNH	C	2	1-5	1-6	B2.106	TĐ	NN	07/11/2023	C1	1	TĐ	9	K9N17		PM
6	ENS332_231_9_L17	Reading & Writing 6	2	30	TATC	TCNH	C	6	1-5	1-6	B2.106	TĐ	NN	07/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N17		
7	GYM304_231_9_L17	Học phần GDTC 4 (quần vợt)	1	30	GDTC	TCNH	S	6	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	15/12/2023	1	1	TĐ	9	K9N17		
8	MAG310_231_9_TA_L17	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	C	5	1-5	12-20	B2.106	TĐ	NH	30/01/2024	2	2	TĐ	9	K9N17		
9	FIN309_231_9_TA_L17	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	C	2 3	1-5 1-5	13-20 18-19	B2.104 B2.102	TĐ	TC	26/01/2024	3	2	TĐ	9	K9N17		
10	MLM308_231_9_L17	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GDĐC	TCNH	C	3	1-5	12-17	B2.106	TĐ	LLCT	25/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N17		
11	ENS342_231_9_L17	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	TCNH	C	6	1-5	12-17	B2.106	TĐ	NN	23/01/2024	C1	2	TĐ	9	K9N17		PM
12	ENS333_231_9_L17	Reading & Writing 7	2	30	TATC	TCNH	C	7	1-5	12-19	B2.105	TĐ	NN	23/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N17		
	KHÓA 9 NHÓM 18 (QTKD)																				
1	ENP703_231_9_L18	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	2 5	1-5 1-5	2-9 9	404 404	36 TTD	NN	17/11/2023	S1	1	Q.1	9	K9N18		PM
2	MAG313_231_9_TA_L18	Quản trị chiến lược (TA)	3	45	Ngành	QTKD	S	3	1-5	1-9	404	36 TTD	QTKD	13/11/2023	S1	1	Q.1	9	K9N18		PM
3	MAG309_231_9_TA_L18	Quản trị Marketing (TA)	3	45	Ngành	QTKD	S	4	1-5	1-9	404	36 TTD	QTKD	15/11/2023	S1	1	Q.1	9	K9N18		PM
4	MLM308_231_9_L18	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GDĐC	QTKD	S	6	1-5	1-6	404	36 TTD	LLCT	10/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N18		
5	ENS341_231_9_L18	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	QTKD	S	7	1-5	1-7	404	36 TTD	NN	07/11/2023	C1	1	Q.1	9	K9N18		PM

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
6	ENS332_231_9_L18	Reading & Writing 6	2	30	TATC	QTKD	S	5	1-5	1-4 5-6	404 B2.802	36 TTBĐ	NN	07/11/2023	1	1	Q.1	9	K9N18		
7	GYM304_231_9_L18	Học phần GDTC 4 (bóng bàn)	1	30	GDTC	QTKD	C	6	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	15/12/2023	3	1	TĐ	9	K9N18		
8	MAG307_2311_9_TA_L18	Quản trị chuỗi cung ứng (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	S	5	1-5	12-20	403	36 TTBĐ	QTKD	27/01/2024	2	2	Q.1	9	K9N18		
9	MG013_2_231_9_TA_L18	Hành vi tổ chức (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	S	3	1-5	12-20	404	36 TTBĐ	QTKD	30/01/2024	2	2	Q.1	9	K9N18		
10	MAG304_231_9_L18	Lãnh đạo	3	45	Chuyên ngành	QTKD	S	4	1-5	12-20	403	36 TTBĐ	QTKD	26/01/2024	4	2	Q.1	9	K9N18		
11	ENS342_231_9_L18	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	QTKD	S	2	1-5	13-19	403	36 TTBĐ	NN	23/01/2024	S3	2	Q.1	9	K9N18		PM
12	ENS333_231_9_L18	Reading & Writing 7	2	30	TATC	QTKD	S	6	1-5	12-17	404	36 TTBĐ	NN	23/01/2024	4	2	Q.1	9	K9N18		
	KHÓA 9 NHÓM 19 (QTKD)																				
1	ENP703_231_9_L19	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	2 5	1-5 1-5	2-9 9	405 405	36 TTBĐ	NN	17/11/2023	S1	1	Q.1	9	K9N19		PM
2	MAG313_231_9_TA_L19	Quản trị chiến lược (TA)	3	45	Ngành	QTKD	C	3	1-5	1-9	405	36 TTBĐ	QTKD	13/11/2023	S1	1	Q.1	9	K9N19		PM
3	MAG309_231_9_TA_L19	Quản trị Marketing (TA)	3	45	Ngành	QTKD	C	4	1-5	1-9	405	36 TTBĐ	QTKD	15/11/2023	S1	1	Q.1	9	K9N19		PM
4	MLM308_231_9_L19	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GDDC	QTKD	C	6	1-5	1-6	405	36 TTBĐ	LLCT	10/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N19		
5	ENS341_231_9_L19	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	QTKD	C	7	1-5	1-7	B2.704	TĐ	NN	07/11/2023	C1	1	Q.1	9	K9N19		PM
6	ENS332_231_9_L19	Reading & Writing 6	2	30	TATC	QTKD	C	5	1-5	1-4 5-6	405 B2.801	36 TTBĐ	NN	07/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N19		
7	GYM304_231_9_L19	Học phần GDTC 4 (quần vợt)	1	30	GDTC	QTKD	S	6	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	15/12/2023	2	1	TĐ	9	K9N19		
8	MAG307_2311_9_TA_L19	Quản trị chuỗi cung ứng (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	C	5	1-5	12-20	404	36 TTBĐ	QTKD	27/01/2024	2	2	Q.1	9	K9N19		
9	MG013_2_231_9_TA_L19	Hành vi tổ chức (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	C	3	1-5	12-20	405	36 TTBĐ	QTKD	30/01/2024	2	2	Q.1	9	K9N19		
10	MAG304_231_9_L19	Lãnh đạo	3	45	Chuyên ngành	QTKD	C	4	1-5	12-20	404	36 TTBĐ	QTKD	26/01/2024	4	2	Q.1	9	K9N19		
11	ENS342_231_9_L19	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	QTKD	C	2	1-5	13-19	403	36 TTBĐ	NN	23/01/2024	S3	2	Q.1	9	K9N19		PM
12	ENS333_231_9_L19	Reading & Writing 7	2	30	TATC	QTKD	C	6	1-5	12-17	405	36 TTBĐ	NN	23/01/2024	4	2	Q.1	9	K9N19		
	KHÓA 9 NHÓM 20 (QTKD)																				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
1	ENP703_231_9_L20	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	3	1-5	1-9	405	36 TTD	NN	17/11/2023	S1	1	Q.1	9	K9N20		PM
2	MAG313_231_9_TA_L20	Quản trị chiến lược (TA)	3	45	Ngành	QTKD	S	7 4	1-5 1-5	1-9 7	405 503	36 TTD	QTKD	13/11/2023	S1	1	Q.1	9	K9N20		PM
3	MAG309_231_9_TA_L20	Quản trị Marketing (TA)	3	45	Ngành	QTKD	S	2 4	1-5 1-5	2-9 8	405 503	36 TTD	QTKD	15/11/2023	S1	1	Q.1	9	K9N20		PM
4	MLM308_231_9_L20	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GĐBC	QTKD	S	5	1-5	1-6	405	36 TTD	LLCT	10/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N20		
5	ENS341_231_9_L20	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	QTKD	S	4	1-5	1-6	B2.701	TĐ	NN	07/11/2023	C2	1	Q.1	9	K9N20		PM
6	ENS332_231_9_L20	Reading & Writing 6	2	30	TATC	QTKD	S	6	1-5	1-6	405	36 TTD	NN	07/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N20		
7	GYM304_231_9_L20	Học phần GDTC 4 (bóng bàn)	1	30	GDTC	QTKD	C	6	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	15/12/2023	4	1	TĐ	9	K9N20		
8	MAG307_2311_9_TA_L20	Quản trị chuỗi cung ứng (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	S	7 3	1-5 1-5	12-20 18-19	404 405	36 TTD	QTKD	27/01/2024	2	2	Q.1	9	K9N20		
9	MG013_2_231_9_TA_L20	Hành vi tổ chức (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	S	5	1-5	12-20	404	36 TTD	QTKD	30/01/2024	2	2	Q.1	9	K9N20		
10	MAG304_231_9_L20	Lãnh đạo	3	45	Chuyên ngành	QTKD	S	2 6	1-5 1-5	13-20 18-19	404 404	36 TTD	QTKD	26/01/2024	4	2	Q.1	9	K9N20		
11	ENS342_231_9_L20	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	QTKD	S	6	1-5	12-17	405	36 TTD	NN	23/01/2024	C1	2	Q.1	9	K9N20		PM
12	ENS333_231_9_L20	Reading & Writing 7	2	30	TATC	QTKD	S	3	1-5	12 13-14 15-17	405 B2.802 405	36 TTD TĐ 36 TTD	NN	23/01/2024	3	2	Q.1	9	K9N20		
	KHÓA 9 NHÓM 21 (QTKD)																				
1	ENP703_231_9_L21	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	3	1-5	1-9	B2.106	TĐ	NN	17/11/2023	S1	1	TĐ	9	K9N21		PM
2	MAG313_231_9_TA_L21	Quản trị chiến lược (TA)	3	45	Ngành	QTKD	C	7 4	1-5 1-5	1-9 7	B2.107 B2.105	TĐ	QTKD	13/11/2023	S1	1	TĐ	9	K9N21		PM
3	MAG309_231_9_TA_L21	Quản trị Marketing (TA)	3	45	Ngành	QTKD	C	2 4	1-5 1-5	2-9 8	B2.107 B2.105	TĐ	QTKD	15/11/2023	S1	1	TĐ	9	K9N21		PM
4	MLM308_231_9_L21	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GĐBC	QTKD	C	5	1-5	1-6	B2.107	TĐ	LLCT	10/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N21		
5	ENS341_231_9_L21	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	QTKD	C	4	1-5	1-6	B2.107	TĐ	NN	07/11/2023	C1	1	TĐ	9	K9N21		PM
6	ENS332_231_9_L21	Reading & Writing 6	2	30	TATC	QTKD	C	6	1-5	1-6	B2.107	TĐ	NN	07/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N21		
7	GYM304_231_9_L21	Học phần GDTC 4 (quần vợt)	1	30	GDTC	QTKD	S	3	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	12/12/2023	1	1	TĐ	9	K9N21		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
8	MAG307_2311_9_TA_L21	Quản trị chuỗi cung ứng (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	C	7 3	1-5 1-5	12-20 18-19	B2.106 B2.106	TĐ	QTKD	27/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N21		
9	MG013_2_231_9_TA_L21	Hành vi tổ chức (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	C	5	1-5	12-20	B2.107	TĐ	QTKD	30/01/2024	2	2	TĐ	9	K9N21		
10	MAG304_231_9_L21	Lãnh đạo	3	45	Chuyên ngành	QTKD	C	2 6	1-5 1-5	13-20 18-19	B2.105 B2.103	TĐ	QTKD	26/01/2024	4	2	TĐ	9	K9N21		
11	ENS342_231_9_L21	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	QTKD	C	6	1-5	12-17	B2.107	TĐ	NN	23/01/2024	C1	2	TĐ	9	K9N21		PM
12	ENS333_231_9_L21	Reading & Writing 7	2	30	TATC	QTKD	C	3	1-5	12-17	B2.107	TĐ	NN	23/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N21		
	KHÓA 9 NHÓM 22 (QTKD)																				
1	ENP703_231_9_L22	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	5	1-5	1-9	B2.107	TĐ	NN	17/11/2023	S1	1	TĐ	9	K9N22		PM
2	MAG313_231_9_TA_L22	Quản trị chiến lược (TA)	3	45	Ngành	QTKD	S	2 4	1-5 1-5	2-9 7	B2.501 B2.102	TĐ	QTKD	13/11/2023	S1	1	TĐ	9	K9N22		PM
3	MAG309_231_9_TA_L22	Quản trị Marketing (TA)	3	45	Ngành	QTKD	S	3	1-5	1-9	B2.106	TĐ	QTKD	15/11/2023	S1	1	TĐ	9	K9N22		PM
4	MLM308_231_9_L22	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GDBC	QTKD	S	4	1-5	1-6	B2.107	TĐ	LLCT	10/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N22		
5	ENS341_231_9_L22	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	QTKD	S	6	1-5	1-6	B2.107	TĐ	NN	07/11/2023	C1	1	TĐ	9	K9N22		PM
6	ENS332_231_9_L22	Reading & Writing 6	2	30	TATC	QTKD	S	7	1-5	1-7	B2.107	TĐ	NN	07/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N22		
7	GYM304_231_9_L22	Học phần GDTC 4 (bóng bàn)	1	30	GDTC	QTKD	C	3	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	12/12/2023	3	1	TĐ	9	K9N22		
8	MAG307_2311_9_TA_L22	Quản trị chuỗi cung ứng (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	S	2 5	1-5 1-5	13-20 18-19	B2.601 B2.105	TĐ	QTKD	27/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N22		
9	MG013_2_231_9_TA_L22	Hành vi tổ chức (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	S	4	1-5	12-20	B2.105	TĐ	QTKD	30/01/2024	2	2	TĐ	9	K9N22		
10	MAG304_231_9_L22	Lãnh đạo	3	45	Chuyên ngành	QTKD	S	3	1-5	12-20	B2.107	TĐ	QTKD	26/01/2024	4	2	TĐ	9	K9N22		
11	ENS342_231_9_L22	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	QTKD	S	5	1-5	12-17	B2.107	TĐ	NN	23/01/2024	C1	2	TĐ	9	K9N22		PM
12	ENS333_231_9_L22	Reading & Writing 7	2	30	TATC	QTKD	S	7	1-5	12-19	B2.106	TĐ	NN	23/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N22		
	KHÓA 9 NHÓM 23 (QTKD)																				
1	ENP703_231_9_L23	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	5	1-5	1-9	B2.202	TĐ	NN	17/11/2023	S1	1	TĐ	9	K9N23		PM
2	MAG313_231_9_TA_L23	Quản trị chiến lược (TA)	3	45	Ngành	QTKD	C	2 4	1-5 1-5	2-9 7	B2.202 B2.107	TĐ	QTKD	13/11/2023	S1	1	TĐ	9	K9N23		PM

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
3	MAG309_231_9_TA_L23	Quản trị Marketing (TA)	3	45	Ngành	QTKD	C	3	1-5	1-9	B2.107	TĐ	QTKD	15/11/2023	S1	1	TĐ	9	K9N23		PM
4	MLM308_231_9_L23	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GĐBC	QTKD	C	4	1-5	1-6	B2.202	TĐ	LLCT	10/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N23		
5	ENS341_231_9_L23	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	QTKD	C	6	1-5	1-6	B2.202	TĐ	NN	07/11/2023	C2	1	TĐ	9	K9N23		PM
6	ENS332_231_9_L23	Reading & Writing 6	2	30	TATC	QTKD	C	7	1-5	1-7	B2.202	TĐ	NN	07/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N23		
7	GYM304_231_9_L23	Học phần GDTC 4 (quần vợt)	1	30	GDTC	QTKD	S	3	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	12/12/2023	2	1	TĐ	9	K9N23		
8	MAG307_2311_9_TA_L23	Quản trị chuỗi cung ứng (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	C	2 5	1-5 1-5	13-20 18-19	B2.106 B2.104	TĐ	QTKD	27/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N23		
9	MG013_2_231_9_TA_L23	Hành vi tổ chức (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	C	4	1-5	12-20	B2.105	TĐ	QTKD	30/01/2024	2	2	TĐ	9	K9N23		
10	MAG304_231_9_L23	Lãnh đạo	3	45	Chuyên ngành	QTKD	C	3	1-5	12-20	B2.202	TĐ	QTKD	26/01/2024	4	2	TĐ	9	K9N23		
11	ENS342_231_9_L23	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	QTKD	C	5	1-5	12-17	B2.202	TĐ	NN	23/01/2024	C2	2	TĐ	9	K9N23		PM
12	ENS333_231_9_L23	Reading & Writing 7	2	30	TATC	QTKD	C	7	1-5	12-19	B2.107	TĐ	NN	23/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N23		
	KHÓA 9 NHÓM 24 (QTKD)																				
1	ENP703_231_9_L24	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	6	1-5	1-9	B2.202	TĐ	NN	17/11/2023	S3	1	TĐ	9	K9N24		PM
2	MAG313_231_9_TA_L24	Quản trị chiến lược (TA)	3	45	Ngành	QTKD	S	4	1-5	1-9	B2.202	TĐ	QTKD	13/11/2023	S2	1	TĐ	9	K9N24		PM
3	MAG309_231_9_TA_L24	Quản trị Marketing (TA)	3	45	Ngành	QTKD	S	5	1-5	1-9	B2.202	TĐ	QTKD	15/11/2023	S2	1	TĐ	9	K9N24		PM
4	MLM308_231_9_L24	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GĐBC	QTKD	S	7	1-5	1-7	B2.202	TĐ	LLCT	10/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N24		
5	ENS341_231_9_L24	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	QTKD	S	3	1-5	1-6	B2.107	TĐ	NN	07/11/2023	C2	1	TĐ	9	K9N24		PM
6	ENS332_231_9_L24	Reading & Writing 6	2	30	TATC	QTKD	S	2	1-5	2-7	B2.105	TĐ	NN	07/11/2023	1	1	TĐ	9	K9N24		
7	GYM304_231_9_L24	Học phần GDTC 4 (bóng bàn)	1	30	GDTC	QTKD	C	3	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	12/12/2023	4	1	TĐ	9	K9N24		
8	MAG307_2311_9_TA_L24	Quản trị chuỗi cung ứng (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	S	3	1-5	12-20	B2.202	TĐ	QTKD	27/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N24		
9	MG013_2_231_9_TA_L24	Hành vi tổ chức (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	S	2 4	1-5 1-5	13-20 18-19	B2.602 B2.104	TĐ	QTKD	30/01/2024	2	2	TĐ	9	K9N24		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
10	MAG304_231_9_L24	Lãnh đạo	3	45	Chuyên ngành	QTKD	S	7 5	1-5 1-5	12-20 18-19	B2.107 B2.106	TĐ	QTKD	26/01/2024	4	2	TĐ	9	K9N24		
11	ENS342_231_9_L24	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	QTKD	S	4	1-5	12-17	B2.106	TĐ	NN	23/01/2024	C2	2	TĐ	9	K9N24		PM
12	ENS333_231_9_L24	Reading & Writing 7	2	30	TATC	QTKD	S	5	1-5	12-17	B2.202	TĐ	NN	23/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N24		
	KHÓA 9 NHÓM 25 (QTKD)																				
1	ENP703_231_9_L25	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	6	1-5	1-9	B2.203	TĐ	NN	17/11/2023	S3	1	TĐ	9	K9N25		PM
2	MAG313_231_9_TA_L25	Quản trị chiến lược (TA)	3	45	Ngành	QTKD	C	4	1-5	1-9	B2.203	TĐ	QTKD	13/11/2023	S2	1	TĐ	9	K9N25		PM
3	MAG309_231_9_TA_L25	Quản trị Marketing (TA)	3	45	Ngành	QTKD	C	5	1-5	1-9	B2.203	TĐ	QTKD	15/11/2023	S2	1	TĐ	9	K9N25		PM
4	MLM308_231_9_L25	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GDDC	QTKD	C	7	1-5	1-7	B2.203	TĐ	LLCT	10/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N25		
5	ENS341_231_9_L25	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	QTKD	C	3	1-5	1-6	B2.202	TĐ	NN	07/11/2023	C2	1	TĐ	9	K9N25		PM
6	ENS332_231_9_L25	Reading & Writing 6	2	30	TATC	QTKD	C	2	1-5	2-7	B2.203	TĐ	NN	07/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N25		
7	GYM304_231_9_L25	Học phần GDTC 4 (quần vợt)	1	30	GDTC	QTKD	S	4	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	13/12/2023	1	1	TĐ	9	K9N25		
8	MAG307_2311_9_TA_L25	Quản trị chuỗi cung ứng (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	C	3	1-5	12-20	B2.203	TĐ	QTKD	27/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N25		
9	MG013_2_231_9_TA_L25	Hành vi tổ chức (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	C	2 4	1-5 1-5	13-20 18-19	B2.107 B2.302	TĐ	QTKD	30/01/2024	2	2	TĐ	9	K9N25		
10	MAG304_231_9_L25	Lãnh đạo	3	45	Chuyên ngành	QTKD	C	7 5	1-5 1-5	12-20 18-19	B2.202 B2.105	TĐ	QTKD	26/01/2024	4	2	TĐ	9	K9N25		
11	ENS342_231_9_L25	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	QTKD	C	4	1-5	12-17	B2.106	TĐ	NN	23/01/2024	C2	2	TĐ	9	K9N25		PM
12	ENS333_231_9_L25	Reading & Writing 7	2	30	TATC	QTKD	C	5	1-5	12-17	B2.203	TĐ	NN	23/01/2024	2	2	TĐ	9	K9N25		
	KHÓA 9 NHÓM 26 (QTKD)																				
1	ENP703_231_9_L26	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	7 6	1-5 1-5	1-9 7	B2.203 B2.203	TĐ	NN	17/11/2023	S3	1	TĐ	9	K9N26		PM
2	MAG313_231_9_TA_L26	Quản trị chiến lược (TA)	3	45	Ngành	QTKD	S	5	1-5	1-9	B2.203	TĐ	QTKD	13/11/2023	S2	1	TĐ	9	K9N26		PM
3	MAG309_231_9_TA_L26	Quản trị Marketing (TA)	3	45	Ngành	QTKD	S	4	1-5	1-9	B2.203	TĐ	QTKD	15/11/2023	S2	1	TĐ	9	K9N26		PM

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
4	MLM308_231_9_L26	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GĐBC	QTKD	S	3	1-5	1-6	B2.202	TĐ	LLCT	10/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N26		
5	ENS341_231_9_L26	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	QTKD	S	2	1-5	2-7	B2.106	TĐ	NN	07/11/2023	C3	1	TĐ	9	K9N26		PM
6	ENS332_231_9_L26	Reading & Writing 6	2	30	TATC	QTKD	S	6	1-5	1-6	B2.203	TĐ	NN	07/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N26		
7	GYM304_231_9_L26	Học phần GDTC 4 (bóng bàn)	1	30	GDTC	QTKD	C	4	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	13/12/2023	3	1	TĐ	9	K9N26		
8	MAG307_2311_9_TA_L26	Quản trị chuỗi cung ứng (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	S	4	1-5	12-20	B2.107	TĐ	QTKD	27/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N26		
9	MG013_2_231_9_TA_L26	Hành vi tổ chức (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	S	7 3	1-5 1-5	12-20 18-19	B2.202 B2.104	TĐ	QTKD	30/01/2024	2	2	TĐ	9	K9N26		
10	MAG304_231_9_L26	Lãnh đạo	3	45	Chuyên ngành	QTKD	S	5	1-5	12-20	B2.203	TĐ	QTKD	26/01/2024	4	2	TĐ	9	K9N26		
11	ENS342_231_9_L26	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	QTKD	S	3	1-5	12-17	B2.203	TĐ	NN	23/01/2024	C3	2	TĐ	9	K9N26		PM
12	ENS333_231_9_L26	Reading & Writing 7	2	30	TATC	QTKD	S	2	1-5	13-19	B2.104	TĐ	NN	23/01/2024	2	2	TĐ	9	K9N26		
	KHÓA 9 NHÓM 27 (QTKD)																				
1	ENP703_231_9_L27	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	7 6	1-5 1-5	1-9 7	B2.204 B2.107	TĐ	NN	17/11/2023	S2	1	TĐ	9	K9N27		PM
2	MAG313_231_9_TA_L27	Quản trị chiến lược (TA)	3	45	Ngành	QTKD	C	5	1-5	1-9	B2.204	TĐ	QTKD	13/11/2023	S3	1	TĐ	9	K9N27		PM
3	MAG309_231_9_TA_L27	Quản trị Marketing (TA)	3	45	Ngành	QTKD	C	4	1-5	1-9	B2.204	TĐ	QTKD	15/11/2023	S3	1	TĐ	9	K9N27		PM
4	MLM308_231_9_L27	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GĐBC	QTKD	C	3	1-5	1-6	B2.203	TĐ	LLCT	10/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N27		
5	ENS341_231_9_L27	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	QTKD	C	2	1-5	2-7	B2.204	TĐ	NN	07/11/2023	C3	1	TĐ	9	K9N27		PM
6	ENS332_231_9_L27	Reading & Writing 6	2	30	TATC	QTKD	C	6	1-5	1-6	B2.204	TĐ	NN	07/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N27		
7	GYM304_231_9_L27	Học phần GDTC 4 (quần vợt)	1	30	GDTC	QTKD	S	4	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	13/12/2023	2	1	TĐ	9	K9N27		
8	MAG307_2311_9_TA_L27	Quản trị chuỗi cung ứng (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	C	4	1-5	12-20	B2.107	TĐ	QTKD	27/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N27		
9	MG013_2_231_9_TA_L27	Hành vi tổ chức (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	C	7 3	1-5 1-5	12-20 18-19	B2.203 B2.107	TĐ	QTKD	30/01/2024	2	2	TĐ	9	K9N27		
10	MAG304_231_9_L27	Lãnh đạo	3	45	Chuyên ngành	QTKD	C	5	1-5	12-20	B2.204	TĐ	QTKD	26/01/2024	4	2	TĐ	9	K9N27		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
11	ENS342_231_9_L27	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	QTKD	C	3	1-5	12-17	B2.204	TĐ	NN	23/01/2024	C3	2	TĐ	9	K9N27		PM
12	ENS333_231_9_L27	Reading & Writing 7	2	30	TATC	QTKD	C	2	1-5	13-19	B2.202	TĐ	NN	23/01/2024	2	2	TĐ	9	K9N27		
	KHÓA 9 NHÓM 28 (KT - Truyền thống)																				
1	ENP702_231_9_L28	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	3	1-5	1-9	406	36 TTD	NN	17/11/2023	S2	1	Q.1	9	K9N28		PM
2	ACC308_231_9_TA_L28	Kế toán Quốc tế (TA)	3	45	Ngành	KT	S	4	1-5	1-9	406	36 TTD	KT-KT	15/11/2023		1	Q.1	9	K9N28		
3	ACC306_231_9_TA_L28	Kế toán Ngân hàng	3	45	Ngành	KT	S	6	1-5	1-9	406	36 TTD	KT-KT	13/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N28		
4	ACC305_231_9_L28	Kế toán công (tự chọn)	3	45	Ngành	KT	S	7 5	1-5 1-5	1-9 9	406 406	36 TTD	KT-KT	14/11/2023	1	1	Q.1	9	K9N28		
5	ENS341_231_9_L28	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	KT	S	2	1-5	2-7	406	36 TTD	NN	07/11/2023	C2	1	Q.1	9	K9N28		PM
6	ENS332_231_9_L28	Reading & Writing 6	2	30	TATC	KT	S	5	1-5	1-4 5-6	406 B2.803	36 TTD TĐ	NN	07/11/2023	2	1	Q.1	9	K9N28		
7	GYM304_231_9_L28	Học phần GDTC 4 (bóng bàn)	1	30	GDTC	KT	C	4	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	13/12/2023	4	1	TĐ	9	K9N28		
8	AUD301_231_9_TA_L28	Kiểm toán căn bản (TA)	3	45	Ngành	KT	S	3	1-5	12-20	406	36 TTD	KT-KT	30/01/2024	2	2	Q.1	9	K9N28		
9	ACC704_231_9_TA_L28	Kế toán Quốc tế nâng cao (tự chọn) (TA)	3	45	Ngành	KT	S	4	1-5	12-20	404	36 TTD	KT-KT	26/01/2024	4	2	Q.1	9	K9N28		
10	MLM308_231_9_L28	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GDĐC	KT	S	7	1-5	1-7	503	36 TTD	LLCT	25/01/2024	2	2	Q.1	9	K9N28		
11	ENS342_231_9_L28	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	KT	S	5	1-5	12 13-14 15-17	B2.401 B2.804 B2.604	TĐ	NN	23/01/2024	C1	2	Q.1	9	K9N28		PM
12	ENS333_231_9_L28	Reading & Writing 7	2	30	TATC	KT	S	2	1-5	13-19	405	36 TTD	NN	23/01/2024	4	2	Q.1	9	K9N28		
	KHÓA 9 NHÓM 29 (KT - Truyền thống)																				
1	ENP702_231_9_L29	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	5	1-5	1-9	B2.205	TĐ	NN	17/11/2023	S2	1	TĐ	9	K9N29		PM
2	ACC308_231_9_TA_L29	Kế toán Quốc tế (TA)	3	45	Ngành	KT	C	6	1-5	1-9	B2.205	TĐ	KT-KT	15/11/2023		1	TĐ	9	K9N29		
3	ACC306_231_9_TA_L29	Kế toán Ngân hàng	3	45	Ngành	KT	C	2 4	1-5 1-5	2-9 7	B2.205 B2.202	TĐ	KT-KT	13/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N29		
4	ACC305_231_9_L29	Kế toán công (tự chọn)	3	45	Ngành	KT	C	3	1-5	1-9	B2.204	TĐ	KT-KT	14/11/2023		1	TĐ	9	K9N29		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
5	ENS341_231_9_L29	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	KT	C	4	1-5	1-6	B2.205	TĐ	NN	07/11/2023	C3	1	TĐ	9	K9N29		PM
6	ENS332_231_9_L29	Reading & Writing 6	2	30	TATC	KT	C	7	1-5	1-7	B2.205	TĐ	NN	07/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N29		
7	GYM304_231_9_L29	Học phần GDTC 4 (bóng bàn)	1	30	GDTC	KT	S	5	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	14/12/2023	1	1	TĐ	9	K9N29		
8	AUD301_231_9_TA_L29	Kiểm toán căn bản (TA)	3	45	Ngành	KT	C	6	1-5	12-20	B2.202	TĐ	KT-KT	30/01/2024	2	2	TĐ	9	K9N29		
9	ACC704_231_9_TA_L29	Kế toán Quốc tế nâng cao (tự chọn) (TA)	3	45	Ngành	KT	C	3	1-5	12-20	B2.205	TĐ	KT-KT	26/01/2024	4	2	TĐ	9	K9N29		
10	MLM308_231_9_L29	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GĐĐC	KT	C	4	1-5	12-17	B2.202	TĐ	LLCT	25/01/2024	1	2	TĐ	9	K9N29		
11	ENS342_231_9_L29	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	KT	C	2	1-5	13-19	B2.203	TĐ	NN	23/01/2024	C3	2	TĐ	9	K9N29		PM
12	ENS333_231_9_L29	Reading & Writing 7	2	30	TATC	KT	C	5	1-5	12-17	B2.205	TĐ	NN	23/01/2024	2	2	TĐ	9	K9N29		
	KHÓA 9 NHÓM 30 (KT - Digital Accounting)																				
1	ENP702_231_9_L30	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	5	1-5	1-9	B2.204	TĐ	NN	17/11/2023	S2	1	TĐ	9	K9N30		PM
2	ACC308_231_9_TA_L30	Kế toán Quốc tế (TA)	3	45	Ngành	KT	S	6	1-5	1-9	B2.204	TĐ	KT-KT	15/11/2023		1	TĐ	9	K9N30		
3	ACC306_231_9_TA_L30	Kế toán Ngân hàng	3	45	Ngành	KT	S	2 4	1-5 1-5	2-9 7	B2.502 B2.204	TĐ	KT-KT	13/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N30		
4	MLM308_231_9_L30	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	GĐĐC	KT	S	3	1-5	1-6	B2.203	TĐ	LLCT	10/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N30		
5	ENS341_231_9_L30	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	KT	S	4	1-5	1-6	B2.204	TĐ	NN	07/11/2023	C3	1	TĐ	9	K9N30		PM
6	ENS332_231_9_L30	Reading & Writing 6	2	30	TATC	KT	S	7	1-5	1-7	B2.204	TĐ	NN	07/11/2023	2	1	TĐ	9	K9N30		
7	GYM304_231_9_L30	Học phần GDTC 4 (bóng bàn)	1	30	GDTC	KT	C	5	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	14/12/2023	3	1	TĐ	9	K9N30		
8	AUD301_231_9_TA_L30	Kiểm toán căn bản (TA)	3	45	Ngành	KT	S	6	1-5	12-20	B2.107	TĐ	KT-KT	30/01/2024	2	2	TĐ	9	K9N30		
9	ACC708_231_9_L30	Kiểm toán công nghệ thông tin (tự chọn)	3	45	Ngành	KT	S	4	1-5	12-20	B2.202	TĐ	KT-KT	26/01/2024	4	2	TĐ	9	K9N30		
10	DAT711_231_9_L30	Phân tích dữ liệu kế toán với Python nâng cao (tự chọn)	3	45	Ngành	KT	S	3 3 3	1-5 1-5 1-5	12 13-15 16-20	B2.204 C304 B2.204	TĐ	KT-KT	26/01/2024	S1	2	TĐ	9	K9N30	PM3	PM
11	ENS342_231_9_L30	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	KT	S	2	1-5	13-19	B2.105	TĐ	NN	23/01/2024	C3	2	TĐ	9	K9N30		PM

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
12	ENS333_231_9_L30	Reading & Writing 7	2	30	TATC	KT	S	5	1-5	12-17	B2.204	TĐ	NN	23/01/2024	2	2	TĐ	9	K9N30		
	KHÓA 10 NHÓM 1 (TCNH - Truyền thống)																				
1	ACC301_231_10_L01	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	3	1-5	1-9	407	36 TTD	KT-KT	17/11/2023	3	1	Q.1	10	K10N1		
2	INE704_231_10_L01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	4 4 4	1-5 1-5 1-5	1-6 7-8 9	407 503 503	36 TTD 39 HN 36 TTD	KTQT	16/11/2023	1	1	Q.1	10	K10N1	PM2 (7,8)	
3	FIN301_231_10_L01	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5	1-5	1-9	407	36 TTD	NH	15/11/2023	3	1	Q.1	10	K10N1		
4	MLM303_231_10_L01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDĐC	TCNH	S	6	1-5	1-6	407	36 TTD	LLCT	09/11/2023	3	1	Q.1	10	K10N1		
5	GYM302_231_10_L01	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	C	3	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	12/12/2023	3	1	TĐ	10	K10N1		
6	ACC705_231_10_L01	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	6	1-5	12-20	406	36 TTD	KT-KT	27/01/2024	3	2	Q.1	10	K10N1		
7	ECE301_231_10_L01	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5	1-5	12-20	405	36 TTD	BMT	30/01/2024	3	2	Q.1	10	K10N1		
8	INE302_231_10_L01	Kinh tế học quốc tế (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	4	1-5	12-20	405	36 TTD	KTQT	31/01/2024	2	2	Q.1	10	K10N1		
9	SKL310_231_10_L01	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	S	2	1-5	13-19	406	36 TTD	TTĐT	28/01/2024	2	2	Q.1	10	K10N1		
	KHÓA 10 NHÓM 2 (TCNH - Truyền thống)																				
1	ACC301_231_10_L02	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	3	1-5	1-9	406	36 TTD	KT-KT	17/11/2023	3	1	Q.1	10	K10N2		
2	INE704_231_10_L02	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	4 4 4	1-5 1-5 1-5	1-6 7-8 9	406 503 406	36 TTD 39 HN 36 TTD	KTQT	16/11/2023	1	1	Q.1	10	K10N2	PM2 (7,8)	
3	FIN301_231_10_L02	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	5	1-5	1-9	406	36 TTD	NH	15/11/2023	3	1	Q.1	10	K10N2		
4	MLM303_231_10_L02	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDĐC	TCNH	C	6	1-5	1-6	406	36 TTD	LLCT	09/11/2023	3	1	Q.1	10	K10N2		
5	GYM302_231_10_L02	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	S	3	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	12/12/2023	1	1	TĐ	10	K10N2		
6	ACC705_231_10_L02	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	6	1-5	12-20	406	36 TTD	KT-KT	27/01/2024	3	2	Q.1	10	K10N2		
7	ECE301_231_10_L02	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	5	1-5	12-20	405	36 TTD	BMT	30/01/2024	3	2	Q.1	10	K10N2		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
8	INE302_231_10_L02	Kinh tế học quốc tế (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	4	1-5	12-20	405	36 TTB	KTQT	31/01/2024	2	2	Q.1	10	K10N2		
9	SKL310_231_10_L02	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	C	2	1-5	13-19	404	36 TTB	TTĐT	28/01/2024	2	2	Q.1	10	K10N2		
KHÓA 10 NHÓM 3 (TCNH - Fintech)																					
1	ACC301_231_10_L03	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	7 5	1-5 1-5	1-9 9	407 501	36 TTB	KT-KT	17/11/2023	3	1	Q.1	10	K10N3		
2	INE704_231_10_L03	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	6 6 6	1-5 1-5 1-5	1-6 7-8 9	501 201 501	36 TTB 39 HN 36 TTB	KTQT	16/11/2023	1	1	Q.1	10	K10N3	PM2 (7,8)	
3	FIN301_231_10_L03	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	3	1-5	1-9	501	36 TTB	NH	15/11/2023	3	1	Q.1	10	K10N3		
4	MLM303_231_10_L03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDĐC	TCNH	S	5	1-5	1-4 5-6	501 B2.804	36 TTB TB	LLCT	09/11/2023	3	1	Q.1	10	K10N3		
5	GYM302_231_10_L03	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	C	3	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	12/12/2023	4	1	TĐ	10	K10N3		
6	ACC705_231_10_L03	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	2 6	1-5 1-5	13-20 19-20	407 405	36 TTB	KT-KT	27/01/2024	3	2	Q.1	10	K10N3		
7	ECE301_231_10_L03	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	3	1-5	12-20	407	36 TTB	BMT	30/01/2024	3	2	Q.1	10	K10N3		
8	ITS318_231_10_L03	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	TCNH	S	5 4	1-5 1-5	12-20 18-20	201 201	39 HN	HTTT	31/01/2024	C1	2	Q.1	10	K10N3	PM(12)	PM
9	SKL310_231_10_L03	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	S	4	1-5	12-17	B2.701	TĐ	TTĐT	28/01/2024	2	2	Q.1	10	K10N3		
KHÓA 10 NHÓM 4 (TCNH - Fintech)																					
1	ACC301_231_10_L04	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	7 5	1-5 1-5	1-9 9	406 407	36 TTB	KT-KT	17/11/2023	3	1	Q.1	10	K10N4		
2	INE704_231_10_L04	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	6 6 6	1-5 1-5 1-5	1-6 7-8 9	407 201 407	36 TTB 39 HN 36 TTB	KTQT	16/11/2023	1	1	Q.1	10	K10N4	PM2 (7,8)	
3	FIN301_231_10_L04	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	3	1-5	1-9	407	36 TTB	NH	15/11/2023	3	1	Q.1	10	K10N4		
4	MLM303_231_10_L04	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDĐC	TCNH	C	5	1-5	1-4 5-6	407 B2.802	36 TTB TB	LLCT	09/11/2023	3	1	Q.1	10	K10N4		
5	GYM302_231_10_L04	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	S	3	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	12/12/2023	2	1	TĐ	10	K10N4		
6	ACC705_231_10_L04	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	2 6	1-5 1-5	13-20 19-20	405	36 TTB	KT-KT	27/01/2024	3	2	Q.1	10	K10N4		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
7	ECE301_231_10_L04	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	3	1-5	12-20	406	36 TTD	BMT	30/01/2024	3	2	Q.1	10	K10N4		
8	ITS318_231_10_L04	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	TCNH	C	5 4	1-5 1-5	12-20 18-20	201 201	39 HN	HTTT	31/01/2024	C1	2	Q.1	10	K10N4	PM(12)	PM
9	SKL310_231_10_L04	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	C	4	1-5	12-17	B2.702	TĐ	TTĐT	28/01/2024	2	2	Q.1	10	K10N4		
	KHÓA 10 NHÓM 5 (TCNH - Fintech)																				
1	ACC301_231_10_L05	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	2 5	1-5 1-5	2-9 8	407 B2.302	36 TTD TĐ	KT-KT	17/11/2023	3	1	Q.1	10	K10N5		
2	INE704_231_10_L05	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	7 7 7 5	1-5 1-5 1-5 1-5	1-6 7-8 9 9	501 201 501 505	36 TTD 39 HN 36 TTD 36 TTD	KTQT	16/11/2023	2	1	Q.1	10	K10N5	PM2 (7,8)	
3	ITS318_231_10_L05	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	TCNH	S	4 3	1-5 1-5	1-9 7-9	201 203	39 HN	HTTT	14/11/2023	S1	1	Q.1	10	K10N5	PM(12)	PM
4	MLM303_231_10_L05	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDĐC	TCNH	S	3	1-5	1-4 5-6	502 B2.801	36 TTD TĐ	LLCT	09/11/2023	4	1	Q.1	10	K10N5		
5	GYM302_231_10_L05	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	C	4	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	13/12/2023	3	1	TĐ	10	K10N5		
6	ACC705_231_10_L05	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	7 6	1-5 1-5	12-20 18-19	406 504	36 TTD	KT-KT	27/01/2024	3	2	Q.1	10	K10N5		
7	ECE301_231_10_L05	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	2 4	1-5 1-5	13-20 18-19	502 505	36 TTD	BMT	30/01/2024	4	2	Q.1	10	K10N5		
8	FIN301_231_10_L05	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5	1-5	12-20	406	36 TTD	NH	31/01/2024	1	2	Q.1	10	K10N5		
9	SKL310_231_10_L05	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	S	4	1-5	12-17	B2.702	TĐ	TTĐT	28/01/2024	2	2	Q.1	10	K10N5		
	KHÓA 10 NHÓM 6 (TCNH - Fintech)																				
1	ACC301_231_10_L06	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	2 5	1-5 1-5	2-9 8	406 501	36 TTD	KT-KT	17/11/2023	4	1	Q.1	10	K10N6		
2	INE704_231_10_L06	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	7 7 7 5	1-5 1-5 1-5 1-5	1-6 7-8 9 9	407 201 407 504	36 TTD 39 HN 36 TTD 36 TTD	KTQT	16/11/2023	2	1	Q.1	10	K10N6	PM2 (7,8)	
3	ITS318_231_10_L06	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	TCNH	C	4 3	1-5 1-5	1-9 7-9	201 503	39 HN	HTTT	14/11/2023	S1	1	Q.1	10	K10N6	PM(12)	PM
4	MLM303_231_10_L06	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDĐC	TCNH	C	3	1-5	1-6	501	36 TTD	LLCT	09/11/2023	4	1	Q.1	10	K10N6		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
5	GYM302_231_10_L06	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	S	4	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	13/12/2023	1	1	TĐ	10	K10N6		
6	ACC705_231_10_L06	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	7 6	1-5 1-5	12-20 18-19	B2.702 504	TĐ 36 TTD	KT-KT	27/01/2024	3	2	Q.1	10	K10N6		
7	ECE301_231_10_L06	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	2 4	1-5 1-5	13-20 18-19	406 502	36 TTD	BMT	30/01/2024	4	2	Q.1	10	K10N6		
8	FIN301_231_10_L06	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	5	1-5	12-20	406	36 TTD	NH	31/01/2024	1	2	Q.1	10	K10N6		
9	SKL310_231_10_L06	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	C	4	1-5	12-17	B2.703	TĐ	TTĐT	28/01/2024	2	2	Q.1	10	K10N6		
KHÓA 10 NHÓM 7 (TCNH - Fintech)																					
1	ACC301_231_10_L07	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	4	1-5	1-9	501	36 TTD	KT-KT	17/11/2023	4	1	Q.1	10	K10N7		
2	INE704_231_10_L07	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5 5 5	1-5 1-5 1-5	1-6 7-8 9	502 201 502	36 TTD 39 HN 36 TTD	KTQT	16/11/2023	2	1	Q.1	10	K10N7	PM2 (7,8)	
3	ITS318_231_10_L07	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	TCNH	S	3 6	1-5 1-5	1-9 7-9	201 203	39 HN	HTTT	14/11/2023	S2	1	Q.1	10	K10N7	PM(12)	PM
4	MLM303_231_10_L07	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDĐC	TCNH	S	7	1-5	1-7	502	36 TTD	LLCT	09/11/2023	4	1	Q.1	10	K10N7		
5	GYM302_231_10_L07	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	C	4	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	13/12/2023	4	1	TĐ	10	K10N7		
6	ACC705_231_10_L07	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	4	1-5	12-20	406	36 TTD	KT-KT	27/01/2024	4	2	Q.1	10	K10N7		
7	FIN301_231_10_L07	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	6	1-5	12-20	407	36 TTD	NH	31/01/2024	1	2	Q.1	10	K10N7		
8	ECE301_231_10_L07	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	7 3	1-5 1-5	12-20 18-19	402 505	36 TTD	BMT	30/01/2024	4	2	Q.1	10	K10N7		
9	SKL310_231_10_L07	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	S	3	1-5	12-17	B2.803	TĐ	TTĐT	28/01/2024	2	2	Q.1	10	K10N7		
KHÓA 10 NHÓM 8 (TCNH - Fintech)																					
1	ACC301_231_10_L08	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	4	1-5	1-9	407	36 TTD	KT-KT	17/11/2023	4	1	Q.1	10	K10N8		
2	INE704_231_10_L08	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	5 5 5	1-5 1-5 1-5	1-6 7-8 9	501 203 502	36 TTD 39 HN 36 TTD	KTQT	16/11/2023	2	1	Q.1	10	K10N8	PM2 (7,8)	

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
3	ITS318_231_10_L08	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	TCNH	C	3 6	1-5 1-5	1-9 7-9	201 203	39 HN	HTTT	14/11/2023	S2	1	Q.1	10	K10N8	PM(12)	PM
4	MLM303_231_10_L08	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDBC	TCNH	C	7	1-5	1-7	B2.704	TĐ	LLCT	09/11/2023	4	1	Q.1	10	K10N8		
5	GYM302_231_10_L08	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	S	4	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	13/12/2023	2	1	TĐ	10	K10N8		
6	ACC705_231_10_L08	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	4	1-5	12-20	407	36 TTD	KT-KT	27/01/2024	4	2	Q.1	10	K10N8		
7	FIN301_231_10_L08	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	6	1-5	12-20	407	36 TTD	NH	31/01/2024	1	2	Q.1	10	K10N8		
8	ECE301_231_10_L08	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	7 3	1-5 1-5	12-20 18-19	403 407	36 TTD	BMT	30/01/2024	4	2	Q.1	10	K10N8		
9	SKL310_231_10_L08	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	C	3	1-5	12 13-14 15-17	504 B2.804 504	36 TTD TĐ 36 TTD	TTĐT	28/01/2024	2	2	Q.1	10	K10N8		
	KHÓA 10 NHÓM 9 (TCNH - Truyền thống)																				
1	ACC301_231_10_L09	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	6	1-5	1-9	B2.205	TĐ	KT-KT	17/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N9		
2	INE302_231_10_L09	Kinh tế học quốc tế (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	2 4	1-5 1-5	2-9 7	B2.503 B2.205	TĐ	KTQT	13/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N9		
3	FIN301_231_10_L09	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	7 4	1-5 1-5	1-9 8	B2.205 B2.105	TĐ	NH	15/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N9		
4	MLM303_231_10_L09	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDBC	TCNH	S	4	1-5	1-6	B2.205	TĐ	LLCT	09/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N9		
5	GYM302_231_10_L09	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	C	2	1-3 4-5	2-9 13-16	Sân	TĐ	GDTC	25/12/2023	3	1	TĐ	10	K10N9		
6	ACC705_231_10_L09	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	3	1-5	12-20	B2.205	TĐ	KT-KT	27/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N9		
7	ECE301_231_10_L09	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	4	1-5	12-20	B2.203	TĐ	BMT	30/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N9		
8	INE704_231_10_L09	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5 5 5	1-5 1-5 1-5	12-13 14-15 16-20	B2.205 C206 B2.205	TĐ	KTQT	29/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N9	PM2 (7,8)	
9	SKL310_231_10_L09	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	S	6	1-5	12-17	B2.202	TĐ	TTĐT	28/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N9		
	KHÓA 10 NHÓM 10 (TCNH - Truyền thống)																				
1	ACC301_231_10_L10	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	6	1-5	1-9	B2.206	TĐ	KT-KT	17/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N10		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
2	INE302_231_10_L10	Kinh tế học quốc tế (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	2 4	1-5 1-5	2-9 7	B2.206 B2.205	TĐ	KTQT	13/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N10		
3	FIN301_231_10_L10	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	7 4	1-5 1-5	1-9 8	B2.206 B2.102	TĐ	NH	15/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N10		
4	MLM303_231_10_L10	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDĐC	TCNH	C	4	1-5	1-6	B2.206	TĐ	LLCT	09/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N10		
5	GYM302_231_10_L10	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	S	2	1-3 4-5	2-9 13-16	Sân	TĐ	GDTC	25/12/2023	1	1	TĐ	10	K10N10		
6	ACC705_231_10_L10	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	3	1-5	12-20	B2.206	TĐ	KT-KT	27/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N10		
7	ECE301_231_10_L10	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	4	1-5	12-20	B2.203	TĐ	BMT	30/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N10		
8	INE704_231_10_L10	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	5 5 5	1-5 1-5 1-5	12-13 14-15 16-20	B2.206 C206 B2.206	TĐ	KTQT	29/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N10	PM2 (7,8)	
9	SKL310_231_10_L10	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	C	6	1-5	12-17	B2.203	TĐ	TTĐT	28/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N10		
	KHÓA 10 NHÓM 11 (TCNH - Truyền thống)																				
1	ACC301_231_10_L11	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	3	1-5	1-9	B2.204	TĐ	KT-KT	17/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N11		
2	INE302_231_10_L11	Kinh tế học quốc tế (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	4	1-5	1-9	B2.206	TĐ	KTQT	13/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N11		
3	FIN301_231_10_L11	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5	1-5	1-9	B2.205	TĐ	NH	15/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N11		
4	MLM303_231_10_L11	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDĐC	TCNH	S	6	1-5	1-6	B2.206	TĐ	LLCT	09/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N11		
5	GYM302_231_10_L11	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	C	2	4-5 1-3	2-9 13-16	Sân	TĐ	GDTC	25/12/2023	4	1	TĐ	10	K10N11		
6	ACC705_231_10_L11	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	6	1-5	12-20	B2.203	TĐ	KT-KT	27/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N11		
7	ECE301_231_10_L11	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5	1-5	12-20	B2.206	TĐ	BMT	30/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N11		
8	INE704_231_10_L11	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	2 3	1-5 1-5	13-20 18-19	B2.501 C304	TĐ	KTQT	29/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N11	PM2 (7,8)	
9	SKL310_231_10_L11	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	S	3	1-5	12-17	B2.206	TĐ	TTĐT	28/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N11		
	KHÓA 10 NHÓM 12 (TCNH - Truyền thống)																				
1	ACC301_231_10_L12	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	3	1-5	1-9	B2.205	TĐ	KT-KT	17/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N12		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
2	INE302_231_10_L12	Kinh tế học quốc tế (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	4	1-5	1-9	B2.207	TĐ	KTQT	13/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N12		
3	FIN301_231_10_L12	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	5	1-5	1-9	B2.206	TĐ	NH	15/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N12		
4	MLM303_231_10_L12	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDĐC	TCNH	C	6	1-5	1-6	B2.207	TĐ	LLCT	09/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N12		
5	GYM302_231_10_L12	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	S	2	4-5 1-3	2-9 13-16	Sân	TĐ	GDTC	25/12/2023	2	1	TĐ	10	K10N12		
6	ACC705_231_10_L12	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	6	1-5	12-20	B2.204	TĐ	KT-KT	27/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N12		
7	ECE301_231_10_L12	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	5	1-5	12-20	B2.207	TĐ	BMT	30/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N12		
8	INE704_231_10_L12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	2 3	1-5 1-5	13-20 18-19	B2.204 C304	TĐ	KTQT	29/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N12	PM2 (7,8)	
9	SKL310_231_10_L12	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	C	3	1-5	12-17	B2.207	TĐ	TTĐT	28/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N12		
	KHÓA 10 NHÓM 13 (TCNH - Fintech)																				
1	ACC301_231_10_L13	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	7 4	1-5 1-5	1-9 9	B2.206 B2.105	TĐ	KT-KT	17/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N13		
2	INE704_231_10_L13	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S S S	6 6 6	1-5 1-5 1-5	1-4 5-6 7-9	B2.207 C304 B2.107	TĐ	KTQT	16/11/2023	1	1	TĐ	10	K10N13	PM2 (7,8)	
3	ITS318_231_10_L13	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	TCNH	S	5 3	1-5 1-5	1-9 7-9	C206 C206	TĐ	HTTT	14/11/2023	S1	1	TĐ	10	K10N13	PM(12)	PM
4	MLM303_231_10_L13	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDĐC	TCNH	S	3	1-5	1-6	B2.205	TĐ	LLCT	09/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N13		
5	GYM302_231_10_L13	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	C	5	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	14/12/2023	3	1	TĐ	10	K10N13		
6	ACC705_231_10_L13	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	2 4	1-5 1-5	13-20 19-20	B2.603 B2.207	TĐ	KT-KT	27/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N13		
7	FIN301_231_10_L13	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	7 5	1-5 1-5	12-20 19-20	B2.203 B2.107	TĐ	NH	31/01/2024	1	2	TĐ	10	K10N13		
8	ECE301_231_10_L13	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	3	1-5	12-20	B2.207	TĐ	BMT	30/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N13		
9	SKL310_231_10_L13	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	S	4	1-5	12-17	B2.204	TĐ	TTĐT	28/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N13		
	KHÓA 10 NHÓM 14 (TCNH - Fintech)																				
1	ACC301_231_10_L14	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	7 4	1-5 1-5	1-9 9	B2.207 B2.102	TĐ	KT-KT	17/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N14		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
2	INE704_231_10_L14	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	6 6 6	1-5 1-5 1-5	1-4 5-6 7-9	B2.302 C206 B2.202	TĐ	KTQT	16/11/2023	1	1	TĐ	10	K10N14	PM2 (7,8)	
3	ITS318_231_10_L14	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	TCNH	C	5 3	1-5 1-5	1-9 7-9	C206 C304	TĐ	HTTT	14/11/2023	S1	1	TĐ	10	K10N14	PM(12)	PM
4	MLM303_231_10_L14	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GĐBC	TCNH	C	3	1-5	1-6	B2.206	TĐ	LLCT	09/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N14		
5	GYM302_231_10_L14	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	S	5	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	14/12/2023	1	1	TĐ	10	K10N14		
6	ACC705_231_10_L14	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	2 4	1-5 1-5	13-20 19-20	B2.205 B2.104	TĐ	KT-KT	27/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N14		
7	FIN301_231_10_L14	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	7 5	1-5 1-5	12-20 19-20	B2.204 B2.202	TĐ	NH	31/01/2024	1	2	TĐ	10	K10N14		
8	ECE301_231_10_L14	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	3	1-5	12-20	B2.302	TĐ	BMT	30/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N14		
9	SKL310_231_10_L14	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	C	4	1-5	12-17	B2.204	TĐ	TTĐT	28/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N14		
	KHÓA 10 NHÓM 15 (TCNH - Fintech)																				
1	ACC301_231_10_L15	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	2 3	1-5 1-5	2-9 7	B2.504 B2.103	TĐ	KT-KT	17/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N15		
2	INE704_231_10_L15	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	7 7 7 3	1-5 1-5 1-5 1-5	1-6 7-8 9 8	B2.207 C206 B2.104 B2.103	TĐ	KTQT	16/11/2023	1	1	TĐ	10	K10N15	PM2 (7,8)	
3	ITS318_231_10_L15	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	TCNH	S	6 5	1-5 1-5	1-9 7-9	C206 C306	TĐ	HTTT	14/11/2023	S2	1	TĐ	10	K10N15	PM(12)	PM
4	MLM303_231_10_L15	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GĐBC	TCNH	S	3	1-5	1-6	B2.206	TĐ	LLCT	09/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N15		
5	GYM302_231_10_L15	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	C	5	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	14/12/2023	4	1	TĐ	10	K10N15		
6	ACC705_231_10_L15	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	7 4	1-5 1-5	12-20 18-19	B2.204 B2.106	TĐ	KT-KT	27/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N15		
7	FIN301_231_10_L15	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	3	1-5	12-20	B2.302	TĐ	NH	31/01/2024	1	2	TĐ	10	K10N15		
8	ECE301_231_10_L15	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	2 5	1-5 1-5	13-20 18-19	B2.604 B2.202	TĐ	BMT	30/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N15		
9	SKL310_231_10_L15	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	S	5	1-5	12-17	B2.207	TĐ	TTĐT	28/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N15		
	KHÓA 10 NHÓM 16 (TCNH - Fintech)																				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
1	ACC301_231_10_L16	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	2 3	1-5 1-5	2-9 7	B2.207 B2.103	TĐ	KT-KT	17/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N16		
2	INE704_231_10_L16	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	7 7 7 3	1-5 1-5 1-5 1-5	1-6 7-8 9 8	B2.302 C206 B2.104 B2.103	TĐ	KTQT	16/11/2023	1	1	TĐ	10	K10N16	PM2 (7,8)	
3	ITS318_231_10_L16	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	TCNH	C	6 5	1-5 1-5	1-9 7-9	C306 C206	TĐ	HTTT	14/11/2023	S2	1	TĐ	10	K10N16	PM(12)	PM
4	MLM303_231_10_L16	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GĐBC	TCNH	C	3	1-5	1-6	B2.207	TĐ	LLCT	09/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N16		
5	GYM302_231_10_L16	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	S	5	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	14/12/2023	2	1	TĐ	10	K10N16		
6	ACC705_231_10_L16	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	7 4	1-5 1-5	12-20 18-19	B2.205 B2.106	TĐ	KT-KT	27/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N16		
7	FIN301_231_10_L16	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	3	1-5	12-20	B2.303	TĐ	NH	31/01/2024	1	2	TĐ	10	K10N16		
8	ECE301_231_10_L16	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	2 5	1-5 1-5	13-20 18-19	B2.206 B2.203	TĐ	BMT	30/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N16		
9	SKL310_231_10_L16	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	C	5	1-5	12-17	B2.302	TĐ	TTĐT	28/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N16		
	KHÓA 10 NHÓM 17 (TCNH - Fintech)																				
1	ACC301_231_10_L17	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	4	1-5	1-9	B2.207	TĐ	KT-KT	17/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N17		
2	INE704_231_10_L17	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5 5 5	1-5 1-5 1-5	1-4 5-6 7-9	B2.206 C201 B2.105	TĐ	KTQT	16/11/2023	1	1	TĐ	10	K10N17	PM2 (7,8)	
3	FIN301_231_10_L17	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	6	1-5	1-9	B2.302	TĐ	NH	15/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N17		
4	MLM303_231_10_L17	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GĐBC	TCNH	S	7	1-5	1-7	B2.302	TĐ	LLCT	09/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N17		
5	GYM302_231_10_L17	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	C	6	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	15/12/2023	1	1	TĐ	10	K10N17		
6	ACC705_231_10_L17	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	4	1-5	12-20	B2.205	TĐ	KT-KT	27/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N17		
7	ECE301_231_10_L17	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	7 3	1-5 1-5	12-20 18-19	B2.505 B2.203	TĐ	BMT	30/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N17		
8	ITS318_231_10_L17	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	TCNH	S	2 5	1-5 1-5	13-20 16-20	C206 C206	TĐ	HTTT	31/01/2024	S1	2	TĐ	10	K10N17	PM(12)	PM
9	SKL310_231_10_L17	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	S	3	1-5	12-17	B2.303	TĐ	TTĐT	28/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N17		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
	KHÓA 10 NHÓM 18 (TCNH - Fintech)																				
1	ACC301_231_10_L18	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	4	1-5	1-9	B2.302	TĐ	KT-KT	17/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N18		
2	INE704_231_10_L18	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	5 5 5	1-5 1-5 1-5	1-3 4-5 6-9	B2.207 C306 B2.207	TĐ	KTQT	16/11/2023	1	1	TĐ	10	K10N18	PM2 (7,8)	
3	FIN301_231_10_L18	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	6	1-5	1-9	B2.303	TĐ	NH	15/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N18		
4	MLM303_231_10_L18	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GĐĐC	TCNH	C	7	1-5	1-7	B2.303	TĐ	LLCT	09/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N18		
5	GYM302_231_10_L18	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	S	6	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	15/12/2023	1	1	TĐ	10	K10N18		
6	ACC705_231_10_L18	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	4	1-5	12-20	B2.205	TĐ	KT-KT	27/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N18		
7	ECE301_231_10_L18	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	7 3	1-5 1-5	12-20 18-19	B2.206 B2.204	TĐ	BMT	30/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N18		
8	ITS318_231_10_L18	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	TCNH	C	2 5	1-5 1-5	13-20 16-20	C206 C206	TĐ	HTTT	31/01/2024	S1	2	TĐ	10	K10N18	PM(12)	PM
9	SKL310_231_10_L18	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	C	3	1-5	12-17	B2.304	TĐ	TTĐT	28/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N18		
	KHÓA 10 NHÓM 19 (TCNH - Fintech)																				
1	ACC301_231_10_L19	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	6	1-5	1-9	B2.303	TĐ	KT-KT	17/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N19		
2	INE704_231_10_L19	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	2 2 2 4	1-5 1-5 1-5 1-5	2-6 7-8 9 7	B2.402 C206 B2.107 B2.302	TĐ	KTQT	16/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N19	PM2 (7,8)	
3	FIN301_231_10_L19	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	7 4	1-5 1-5	1-9 8	B2.303 B2.302	TĐ	NH	15/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N19		
4	MLM303_231_10_L19	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GĐĐC	TCNH	S	4	1-5	1-6	B2.302	TĐ	LLCT	09/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N19		
5	GYM302_231_10_L19	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	C	6	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	15/12/2023	2	1	TĐ	10	K10N19		
10	ACC705_231_10_L19	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	3	1-5	12-20	B2.304	TĐ	KT-KT	27/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N19		
11	ECE301_231_10_L19	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5	1-5	12-20	B2.302	TĐ	BMT	30/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N19		
12	ITS318_231_10_L19	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	TCNH	S	4 6	1-5 1-5	12-20 17-19	C206 C206	TĐ	HTTT	31/01/2024	S1	2	TĐ	10	K10N19	PM(12)	PM

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
13	SKL310_231_10_L19	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	S	2	1-5	13-19	B2.106	TĐ	TTĐT	28/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N19		
	KHÓA 10 NHÓM 20 (TCNH - Fintech)																				
1	ACC301_231_10_L20	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	6	1-5	1-9	B2.304	TĐ	KT-KT	17/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N20		
2	INE704_231_10_L20	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	2 2 2 4	1-5 1-5 1-5 1-5	2-6 7-8 9 7	B2.302 C206 B2.103 B2.206	TĐ	KTQT	16/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N20	PM2 (7,8)	
3	FIN301_231_10_L20	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	7 4	1-5 1-5	1-9 8	B2.304 B2.107	TĐ	NH	15/11/2023	3	1	TĐ	10	K10N20		
4	MLM303_231_10_L20	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDBC	TCNH	C	4	1-5	1-6	B2.303	TĐ	LLCT	09/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N20		
5	GYM302_231_10_L20	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	S	6	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	15/12/2023	2	1	TĐ	10	K10N20		
10	ACC705_231_10_L20	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	3	1-5	12-20	B2.305	TĐ	KT-KT	27/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N20		
11	ECE301_231_10_L20	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	5	1-5	12-20	B2.303	TĐ	BMT	30/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N20		
12	ITS318_231_10_L20	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	TCNH	C	4 6	1-5 1-5	12-20 17-19	C206 C306	TĐ	HTTT	31/01/2024	S2	2	TĐ	10	K10N20	PM(12)	PM
13	SKL310_231_10_L20	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	C	2	1-5	13-19	B2.207	TĐ	TTĐT	28/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N20		
	KHÓA 10 NHÓM 21 (TCNH - Fintech)																				
1	ACC301_231_10_L21	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	3	1-5	1-9	B2.207	TĐ	KT-KT	17/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N21		
2	INE704_231_10_L21	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	4 4 4	1-5 1-5 1-5	1-6 7-8 9	B2.703 C206 B2.102	TĐ	KTQT	16/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N21	PM2 (7,8)	
3	FIN301_231_10_L21	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5	1-5	1-9	B2.207	TĐ	NH	15/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N21		
4	MLM303_231_10_L21	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDBC	TCNH	S	6	1-5	1-6	B2.304	TĐ	LLCT	09/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N21		
5	GYM302_231_10_L21	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	C	2	4-5 1-3	2-7 8-9,13-16	Sân	TĐ	GDTC	25/12/2023	3	1	TĐ	10	K10N21		
6	ACC705_231_10_L21	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	6	1-5	12-20	B2.204	TĐ	KT-KT	27/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N21		
7	ECE301_231_10_L21	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	3	1-5	12-20	B2.305	TĐ	BMT	30/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N21		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
8	ITS318_231_10_L21	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	TCNH	S	5 4	1-5 1-5	12-20 18-20	C304 C304	TĐ	HTTT	31/01/2024	S2	2	TĐ	10	K10N21	PM(12)	PM
9	SKL310_231_10_L21	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	S	4	1-5	12-17	B2.206	TĐ	TTĐT	28/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N21		
	KHÓA 10 NHÓM 22 (TCNH - Fintech)																				
1	ACC301_231_10_L22	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	3	1-5	1-9	B2.302	TĐ	KT-KT	17/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N22		
2	INE704_231_10_L22	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	4 4 4	1-5 1-5 1-5	1-6 7-8 9	B2.304 C206 B2.105	TĐ	KTQT	16/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N22	PM2 (7,8)	
3	FIN301_231_10_L22	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	5	1-5	1-9	B2.302	TĐ	NH	15/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N22		
4	MLM303_231_10_L22	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDĐC	TCNH	C	6	1-5	1-6	B2.305	TĐ	LLCT	09/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N22		
5	GYM302_231_10_L22	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	S	2	4-5 1-3	2-7 8-9,13-16	Sân	TĐ	GDTC	25/12/2023	1	1	TĐ	10	K10N22		
6	ACC705_231_10_L22	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	6	1-5	12-20	B2.205	TĐ	KT-KT	27/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N22		
7	ECE301_231_10_L22	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	3	1-5	12-20	B2.306	TĐ	BMT	30/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N22		
8	ITS318_231_10_L22	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	TCNH	C	5 4	1-5 1-5	12-20 18-20	C304 C306	TĐ	HTTT	31/01/2024	S2	2	TĐ	10	K10N22	PM(12)	PM
9	SKL310_231_10_L22	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	C	4	1-5	12-17	B2.206	TĐ	TTĐT	28/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N22		
	KHÓA 10 NHÓM 23 (TCNH - Fintech)																				
1	ACC301_231_10_L23	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	7 5	1-5 1-5	1-9 7	B2.304 B2.302	TĐ	KT-KT	17/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N23		
2	INE704_231_10_L23	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	6 6 6	1-5 1-5 1-5	1-6 7-8 9	B2.305 C306 B2.102	TĐ	KTQT	16/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N23	PM2 (7,8)	
3	FIN301_231_10_L23	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	3	1-5	1-9	B2.302	TĐ	NH	15/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N23		
4	MLM303_231_10_L23	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDĐC	TCNH	S	5	1-5	1-6	B2.302	TĐ	LLCT	09/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N23		
5	GYM302_231_10_L23	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	C	2	4-5 1-3	2-7 8-9,13-16	Sân	TĐ	GDTC	25/12/2023	4	1	TĐ	10	K10N23		
6	ACC705_231_10_L23	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	7 4	1-5 1-5	12-20 19-20	B2.206 B2.204	TĐ	KT-KT	27/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N23		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
7	ECE301_231_10_L23	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	2 4	1-5 1-5	13-20 17-18	B2.701 B2.207	TĐ	BMT	30/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N23		
8	ITS318_231_10_L23	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	TCNH	S	3 5	1-5 1-5	12-20 18-20	C206 C306	TĐ	HTTT	31/01/2024	S3	2	TĐ	10	K10N23	PM(12)	PM
9	SKL310_231_10_L23	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	S	5	1-5	12-17	B2.303	TĐ	TTĐT	28/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N23		
KHÓA 10 NHÓM 24 (TCNH - Fintech)																					
1	ACC301_231_10_L24	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	7 5	1-5 1-5	1-9 7	B2.305 B2.303	TĐ	KT-KT	17/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N24		
2	INE704_231_10_L24	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	6 6 6	1-5 1-5 1-5	1-4 5-6 7-9	B2.306 C304 B2.204	TĐ	KTQT	16/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N24	PM2 (7,8)	
3	FIN301_231_10_L24	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	3	1-5	1-9	B2.303	TĐ	NH	15/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N24		
4	MLM303_231_10_L24	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDBC	TCNH	C	5	1-5	1-6	B2.303	TĐ	LLCT	09/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N24		
5	GYM302_231_10_L24	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	TCNH	S	2	4-5 1-3	2-7 8-9,13-16	Sân	TĐ	GDTC	25/12/2023	2	1	TĐ	10	K10N24		
6	ACC705_231_10_L24	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	7 4	1-5 1-5	12-20 19-20	B2.207 B2.202	TĐ	KT-KT	27/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N24		
7	ECE301_231_10_L24	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	2 4	1-5 1-5	13-20 17-18	B2.302 B2.206	TĐ	BMT	30/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N24		
8	ITS318_231_10_L24	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	TCNH	C	3 5	1-5 1-5	12-20 18-20	C206 C306	TĐ	HTTT	31/01/2024	S3	2	TĐ	10	K10N24	PM(12)	PM
9	SKL310_231_10_L24	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	TCNH	C	5	1-5	12-17	B2.304	TĐ	TTĐT	28/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N24		
KHÓA 10 NHÓM 25 (QTKD - Truyền thống)																					
1	ACC705_231_10_L25	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	3	1-5	1-4 5-9	503 B2.802	36 TĐ TĐ	KT-KT	14/11/2023	2	1	Q.1	10	K10N25		
2	MKE302_231_10_L25	Hành vi khách hàng (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	4	1-5	1-9	502	36 TĐ	QTKD	16/11/2023	1	1	Q.1	10	K10N25		
3	MAG323_231_10_L25	Quản trị đổi mới và sáng tạo (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	5	1-5	1-9	503	36 TĐ	QTKD	18/11/2023	1	1	Q.1	10	K10N25		
4	SKL310_231_10_L25	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	QTKD	S	2	1-5	2-7	B2.703	TĐ	TTĐT	19/11/2023	2	1	Q.1	10	K10N25		
5	GYM302_231_10_L25	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	QTKD	C	3	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	12/12/2023	3	1	TĐ	10	K10N25		
6	INE704_231_10_L25	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	4 4 4	1-5 1-5 1-5	12-16 17-18 19-20	407 203 407	36 TĐ 39 HN 36 TĐ	KTQT	29/01/2024	3	2	Q.1	10	K10N25	PM2 (17,18)	

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
7	FIN301_231_10_L25	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	5	1-5	12-20	407	36 TTD	NH	31/01/2024	1	2	Q.1	10	K10N25		
8	MLM303_231_10_L25	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GĐBC	QTKD	S	6	1-5	12 13-14 15-17	501 B2.503 501	36 TTD TĐ 36 TTD	LLCT	25/01/2024	3	2	Q.1	10	K10N25		
9	LAW304_231_10_L25	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	3	1-5	12-20	501	36 TTD	LKT	27/01/2024	S1	2	Q.1	10	K10N25		PM
	KHÓA 10 NHÓM 26 (QTKD - E-Business)																				
1	ACC705_231_10_L26	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	4	1-5	1-9	501	36 TTD	KT-KT	14/11/2023	2	1	Q.1	10	K10N26		
2	DIM701_231_10_L26	Giới thiệu kinh doanh số (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	3	1-5	1-9	502	36 TTD	QTKD	16/11/2023	2	1	Q.1	10	K10N26		
3	DAT722_231_10_L26	Khoa học dữ liệu cho kinh doanh (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	QTKD	C	5 5 5 6	1-5 1-5 1-5 1-5	1-4 5-8 9 7-9	502 201 501 405	36 TTD	BMT	18/11/2023	1	1	Q.1	10	K10N26	PM4 (6-9)	
4	SKL310_231_10_L26	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	QTKD	C	6	1-5	1-5 6	501 B2.702	36 TTD TĐ	TTĐT	19/11/2023	2	1	Q.1	10	K10N26		
5	GYM302_231_10_L26	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	QTKD	S	3	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	12/12/2023	1	1	TĐ	10	K10N26		
6	INE704_231_10_L26	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	7 7 7 5	1-5 1-5 1-5 1-5	12-16 17-18 19-20 18-19	B2.703 503 B2.703 501	TĐ 39 HN TĐ 36 TTD	KTQT	29/01/2024	3	2	Q.1	10	K10N26	PM2 (17,18)	
7	FIN301_231_10_L26	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	6	1-5	12-20	501	36 TTD	NH	31/01/2024	1	2	Q.1	10	K10N26		
8	MLM303_231_10_L26	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GĐBC	QTKD	C	5	1-5	12-17	407	36 TTD	LLCT	25/01/2024	3	2	Q.1	10	K10N26		
9	LAW304_231_10_L26	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	2 3	1-5 1-5	13-20 18-19	407 505	36 TTD	LKT	27/01/2024	S1	2	Q.1	10	K10N26		PM
	KHÓA 10 NHÓM 27 (QTKD - Truyền thống)																				
1	ACC705_231_10_L27	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	3	1-5	1-9	B2.304	TĐ	KT-KT	14/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N27		
2	MKE302_231_10_L27	Hành vi khách hàng (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	4	1-5	1-9	B2.305	TĐ	QTKD	16/11/2023	1	1	TĐ	10	K10N27		
3	MAG323_231_10_L27	Quản trị đổi mới và sáng tạo (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	5	1-5	1-9	B2.304	TĐ	QTKD	18/11/2023	1	1	TĐ	10	K10N27		
4	SKL310_231_10_L27	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	QTKD	C	2	1-5	2-7	B2.303	TĐ	TTĐT	19/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N27		
5	GYM302_231_10_L27	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	QTKD	S	3	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	12/12/2023	2	1	TĐ	10	K10N27		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
6	INE704_231_10_L27	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	4 4 4	1-5 1-5 1-5	12-15 16-17 18-20	B2.207 C306 B2.204	TĐ	KTQT	29/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N27	PM2 (7,8)	
7	FIN301_231_10_L27	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	5	1-5	12-20	B2.305	TĐ	NH	31/01/2024	1	2	TĐ	10	K10N27		
8	MLM303_231_10_L27	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GĐĐC	QTKD	C	6	1-5	12-17	B2.206	TĐ	LLCT	25/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N27		
9	LAW304_231_10_L27	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	3	1-5	12-20	B2.307	TĐ	LKT	27/01/2024	S1	2	TĐ	10	K10N27		PM
	KHÓA 10 NHÓM 28 (QTKD - E-Business)																				
1	ACC705_231_10_L28	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	4	1-5	1-9	B2.303	TĐ	KT-KT	14/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N28		
2	DIM701_231_10_L28	Giới thiệu kinh doanh số (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	3	1-5	1-9	B2.303	TĐ	QTKD	16/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N28		
3	DAT722_231_10_L28	Khoa học dữ liệu cho kinh doanh (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	QTKD	S	5 5 5 6	1-5 1-5 1-5 1-5	1 2-5 6-9 7-9	B2.303 C304 B2.206 B2.206	TĐ	BMT	18/11/2023	1	1	TĐ	10	K10N28	PM4	
4	SKL310_231_10_L28	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	QTKD	S	6	1-5	1-6	B2.306	TĐ	TTĐT	19/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N28		
5	GYM302_231_10_L28	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	QTKD	C	3	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	12/12/2023	4	1	TĐ	10	K10N28		
6	INE704_231_10_L28	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	7 7 7 5	1-5 1-5 1-5 1-5	12-16 17-18 19-20 18-19	B2.207 C206 B2.207 B2.207	TĐ	KTQT	29/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N28	PM2 (7,8)	
7	FIN301_231_10_L28	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	6	1-5	12-20	B2.205	TĐ	NH	31/01/2024	1	2	TĐ	10	K10N28		
8	MLM303_231_10_L28	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GĐĐC	QTKD	S	5	1-5	12-17	B2.304	TĐ	LLCT	25/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N28		
9	LAW304_231_10_L28	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	2 3	1-5 1-5	13-20 18-19	B2.702 B2.102	TĐ	LKT	27/01/2024	S1	2	TĐ	10	K10N28		PM
	KHÓA 10 NHÓM 29 (QTKD - E-Business)																				
1	ACC705_231_10_L29	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	6	1-5	1-9	B2.307	TĐ	KT-KT	14/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N29		
2	DIM701_231_10_L29	Giới thiệu kinh doanh số (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	2 3	1-5 1-5	2-9 7	B2.601 B2.107	TĐ	QTKD	16/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N29		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
3	DAT722_231_10_L29	Khoa học dữ liệu cho kinh doanh (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	QTKD	S	4 4 4 7	1-5 1-5 1-5 1-5	1 2-5 6-9 7-9	B2304 C206 B2.304 B2.207	TĐ	BMT	18/11/2023	1	1	TĐ	10	K10N29	PM4	
4	SKL310_231_10_L29	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	QTKD	S	3	1-5	1-6	B2.304	TĐ	TTĐT	19/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N29		
5	GYM302_231_10_L29	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	QTKD	C	4	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	13/12/2023	3	1	TĐ	10	K10N29		
6	INE704_231_10_L29	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	6 6 6	1-5 1-5 1-5	12-16 17-18 19-20	B2.206 C304 B2.102	TĐ	KTQT	29/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N29	PM2 (7,8)	
7	FIN301_231_10_L29	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	3	1-5	12-20	B2.306	TĐ	NH	31/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N29		
8	MLM303_231_10_L29	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDĐC	QTKD	S	4	1-5	12-17	B2.302	TĐ	LLCT	25/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N29		
9	LAW304_231_10_L29	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	7 4	1-5 1-5	12-20 18-19	B2.302 B2.206	TĐ	LKT	27/01/2024	S1	2	TĐ	10	K10N29		PM
	KHÓA 10 NHÓM 30 (QTKD - E-Business)																				
1	ACC705_231_10_L30	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	6	1-5	1-9	B2.307	TĐ	KT-KT	14/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N30		
2	DIM701_231_10_L30	Giới thiệu kinh doanh số (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	2 3	1-5 1-5	2-9 7	B2.304 B2.202	TĐ	QTKD	16/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N30		
3	DAT722_231_10_L30	Khoa học dữ liệu cho kinh doanh (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	QTKD	C	4 4 4 7	1-5 1-5 1-5 1-5	1 2-5 6-9 7-9	B2.306 C206 B2.306 B2.302	TĐ	BMT	18/11/2023	1	1	TĐ	10	K10N30	PM4	
4	SKL310_231_10_L30	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	QTKD	C	3	1-5	1-6	B2.305	TĐ	TTĐT	19/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N30		
5	GYM302_231_10_L30	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	QTKD	S	4	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	13/12/2023	1	1	TĐ	10	K10N30		
6	INE704_231_10_L30	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	6 6 6	1-5 1-5 1-5	12-16 17-18 19-20	B2.207 C304 B2.105	TĐ	KTQT	29/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N30	PM2 (7,8)	
7	FIN301_231_10_L30	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	3	1-5	12-20	B2.401	TĐ	NH	31/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N30		
8	MLM303_231_10_L30	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDĐC	QTKD	C	4	1-5	12-17	B2.302	TĐ	LLCT	25/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N30		
9	LAW304_231_10_L30	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	7 4	1-5 1-5	12-20 18-19	B2.302 B2.207	TĐ	LKT	27/01/2024	S2	2	TĐ	10	K10N30		PM
	KHÓA 10 NHÓM 31 (QTKD - E-Business)																				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
1	ACC705_231_10_L31	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	2 7	1-5 1-5	2-9 9	B2.602 B2.107	TĐ	KT-KT	14/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N31		
2	DIM701_231_10_L31	Giới thiệu kinh doanh số (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	6	1-5	1-9	B2.401	TĐ	QTKD	16/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N31		
3	DAT722_231_10_L31	Khoa học dữ liệu cho kinh doanh (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	QTKD	S	3 3 3 5	1-5 1-5 1-5 1-5	1 2-5 6-9 7-9	B2.305 C304 B2.104 B2.303	TĐ	BMT	18/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N31	PM4	
4	SKL310_231_10_L31	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	QTKD	S	5	1-5	1-6	B2.304	TĐ	TTĐT	19/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N31		
5	GYM302_231_10_L31	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	QTKD	C	4	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	13/12/2023	4	1	TĐ	10	K10N31		
6	INE704_231_10_L31	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	4 4 4	1-5 1-5 1-5	12-15 16-17 18-20	B2.207 C304 B2.302	TĐ	KTQT	29/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N31	PM2 (7,8)	
7	FIN301_231_10_L31	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	5	1-5	12-20	B2.305	TĐ	NH	31/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N31		
8	MLM303_231_10_L31	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDĐC	QTKD	S	7	1-5	12-19	B2.303	TĐ	LLCT	25/01/2024	3	2	TĐ	10	K10N31		
9	LAW304_231_10_L31	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	6	1-5	12-20	B2.207	TĐ	LKT	27/01/2024	S2	2	TĐ	10	K10N31		PM
	KHÓA 10 NHÓM 32 (QTKD - E-Business)																				
1	ACC705_231_10_L32	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	2 7	1-5 1-5	2-9 9	B2.305 B2.202	TĐ	KT-KT	14/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N32		
2	DIM701_231_10_L32	Giới thiệu kinh doanh số (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	6	1-5	1-9	B2.401	TĐ	QTKD	16/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N32		
3	DAT722_231_10_L32	Khoa học dữ liệu cho kinh doanh (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	QTKD	C	3 3 3 5	1-5 1-5 1-5 1-5	1 2-5 6-9 7-9	B2.306 C206 B2.105 B2.105	TĐ	BMT	18/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N32	PM4	
4	SKL310_231_10_L32	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	QTKD	C	5	1-5	1-6	B2.305	TĐ	TTĐT	19/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N32		
5	GYM302_231_10_L32	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	QTKD	S	4	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	13/12/2023	2	1	TĐ	10	K10N32		
6	INE704_231_10_L32	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	4 4 4	1-5 1-5 1-5	12-16 17-18 19-20	B2.303 C304 B2.206	TĐ	KTQT	29/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N32	PM2 (7,8)	
7	FIN301_231_10_L32	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	5	1-5	12-20	B2.306	TĐ	NH	31/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N32		
8	MLM303_231_10_L32	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDĐC	QTKD	C	7	1-5	12-19	B2.303	TĐ	LLCT	25/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N32		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
9	LAW304_231_10_L32	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	6	1-5	12-20	B2.302	TĐ	LKT	27/01/2024	S2	2	TĐ	10	K10N32		PM
	KHÓA 10 NHÓM 33 (QTKD - E-Business)																				
1	ACC705_231_10_L33	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	7 3	1-5 1-5	1-9 9	B2.305 B2.103	TĐ	KT-KT	14/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N33		
2	DIM701_231_10_L33	Giới thiệu kinh doanh số (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	5	1-5	1-9	B2.305	TĐ	QTKD	16/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N33		
3	DAT722_231_10_L33	Khoa học dữ liệu cho kinh doanh (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	QTKD	S	2 2 4 3	1-5 1-5 1-5 1-5	2-5 6-9 7-9 8	C206 B2.401 B2.704 B2.107	TĐ	BMT	18/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N33	PM4	
4	SKL310_231_10_L33	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	QTKD	S	4	1-5	1-6	B2.305	TĐ	TTĐT	19/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N33		
5	GYM302_231_10_L33	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	QTKD	C	4	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	13/12/2023	3	1	TĐ	10	K10N33		
6	INE704_231_10_L33	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	2 2 2 6	1-5 1-5 1-5 1-5	13-16 17-18 19-20 19-20	B2.502 C304 B2.107 B2.104	TĐ	KTQT	29/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N33	PM2 (7,8)	
7	FIN301_231_10_L33	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	7 3	1-5 1-5	12-20 18-19	B2304 B2.206	TĐ	NH	31/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N33		
8	MLM303_231_10_L33	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDBC	QTKD	S	3	1-5	12-17	B2.307	TĐ	LLCT	25/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N33		
9	LAW304_231_10_L33	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	5	1-5	12-20	B2.306	TĐ	LKT	27/01/2024	S3	2	TĐ	10	K10N33		PM
	KHÓA 10 NHÓM 34 (QTKD - E-Business)																				
1	ACC705_231_10_L34	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	7 3	1-5 1-5	1-9 9	B2.306 B2.103	TĐ	KT-KT	14/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N33		
2	DIM701_231_10_L34	Giới thiệu kinh doanh số (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	5	1-5	1-9	B2.306	TĐ	QTKD	16/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N34		
3	DAT722_231_10_L34	Khoa học dữ liệu cho kinh doanh (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	QTKD	C	2 2 4 3	1-5 1-5 1-5 1-5	2-5 6-9 7-9 8	C206 B2.306 B2.703 B2.202	TĐ	BMT	18/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N34	PM4	
4	SKL310_231_10_L34	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	QTKD	C	4	1-5	1-6	B2.307	TĐ	TTĐT	19/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N34		
5	GYM302_231_10_L34	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	QTKD	S	4	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	13/12/2023	1	1	TĐ	10	K10N34		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
6	INE704_231_10_L34	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	2 2 2 6	1-5 1-5 1-5 1-5	13-16 17-18 19-20 19-20	B2.303 C304 B2.303 B2.106	TĐ	KTQT	29/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N34	PM2 (7,8)	
7	FIN301_231_10_L34	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	7 3	1-5 1-5	12-20 18-19	B2.304 B2.207	TĐ	NH	31/01/2024	2	2	TĐ	10	K10N34		
8	MLM303_231_10_L34	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GĐBC	QTKD	C	3	1-5	12-17	B2.402	TĐ	LLCT	25/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N34		
9	LAW304_231_10_L34	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	5	1-5	12-20	B2.307	TĐ	LKT	27/01/2024	S3	2	TĐ	10	K10N34		PM
KHÓA 10 NHÓM 35 (KT - Truyền thống)																					
1	ECE301_231_10_L35	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	2 4	1-5 1-5	2-9 9	502 504	36 TTD	BMT	13/11/2023		1	Q.1	10	K10N35		
2	ACC301_231_10_L35	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	3	1-5	1-4 5-9	504 B2.803	36 TTD TĐ	KT-KT	17/11/2023	4	1	Q.1	10	K10N35		
3	FIN301_231_10_L35	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	5	1-5	1-9	504	36 TTD	NH	15/11/2023	3	1	Q.1	10	K10N35		
4	MLM303_231_10_L35	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GĐBC	KT	S	7	1-5	1-4 5-6	504 B2.901	36 TTD	LLCT	09/11/2023	3	1	Q.1	10	K10N35		
5	SKL310_231_10_L35	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	KT	S	4	1-5	1-6	B2.702	TĐ	TTĐT	19/11/2023	2	1	Q.1	10	K10N35		
6	GYM302_231_10_L35	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	KT	C	4	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	13/12/2023	4	1	TĐ	10	K10N35		
7	INE704_231_10_L35	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	6 6 6	1-5 1-5 1-5	12-16 17-18 19-20	502 203 502	36 TTD 39 HN 36 TTD	KTQT	29/01/2024	3	2	Q.1	10	K10N35	PM2 (17,18)	
8	ACC705_231_10_L35	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	4	1-5	12-20	501	36 TTD	KT-KT	27/01/2024	4	2	Q.1	10	K10N35		
9	BAF301_231_10_L35	Hoạt động kinh doanh ngân hàng (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	3	1-5	12-20	504	36 TTD	NH	31/01/2024	2	2	Q.1	10	K10N35		
10	BAF306_2311_10_L35	Thẩm định giá tài sản (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	5	1-5	12-20	501	36 TTD	NH	25/01/2024	3	2	Q.1	10	K10N35		
KHÓA 10 NHÓM 36 (KT - Digital Accounting)																					
1	ECE301_231_10_L36	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	5	1-5	1-9	503	36 TTD	BMT	13/11/2023		1	Q.1	10	K10N36		
2	ACC301_231_10_L36	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	4	1-5	1-9	502	36 TTD	KT-KT	17/11/2023	4	1	Q.1	10	K10N36		
3	FIN301_231_10_L36	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	2 7	1-5 1-5	2-9 8	407 B2.703	36 TTD TĐ	NH	15/11/2023	3	1	Q.1	10	K10N36		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
4	ITS318_231_10_L36	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	KT	C	3 6	1-5 1-5	1-9 7-9	203 406	39 HN	HTTT	14/11/2023	S2	1	Q.1	10	K10N36	PM(12)	PM
5	SKL310_231_10_L36	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	KT	C	6	1-5	1-5 6	502 B2.703	36 TTD TD	TTĐT	19/11/2023	2	1	Q.1	10	K10N36		
6	GYM302_231_10_L36	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	KT	S	4	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TD	GDTC	13/12/2023	2	1	TD	10	K10N36		
7	INE704_231_10_L36	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	4 4 4	1-5 1-5 1-5	12-16 17-18 19-20	501 503 501	36 TTD 39 HN 36 TTD	KTQT	29/01/2024	3	2	Q.1	10	K10N36	PM2 (17,18)	
8	ACC705_231_10_L36	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	6	1-5	12-20	502	36 TTD	KT-KT	27/01/2024	4	2	Q.1	10	K10N36		
9	MLM303_231_10_L36	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDĐC	KT	C	5	1-5	12 13-14 15-17	501 B2.803 501	36 TTD TD 36 TTD	LLCT	25/01/2024	3	2	Q.1	10	K10N36		
10	DAT710_231_10_L36	Phân tích dữ liệu kế toán với Python (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	3 3 3	1-5 1-5 1-5	12 13-15 16-20	501 201 501	36 TTD 39 HN 36 TTD	KT-KT	31/01/2024	C1	2	Q.1	10	K10N36	PM3	PM
KHÓA 10 NHÓM 37 (KT - Truyền thống)																					
1	ECE301_231_10_L37	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	4	1-5	1-9	B2.306	TD	BMT	13/11/2023		1	TD	10	K10N37		
2	ACC301_231_10_L37	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	6	1-5	1-9	B2.402	TD	KT-KT	17/11/2023	4	1	TD	10	K10N37		
3	FIN301_231_10_L37	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	3	1-5	1-9	B2.306	TD	NH	15/11/2023	4	1	TD	10	K10N37		
4	MLM303_231_10_L37	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDĐC	KT	S	5	1-5	1-6	B2.306	TD	LLCT	09/11/2023	3	1	TD	10	K10N37		
5	SKL310_231_10_L37	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	KT	S	7	1-5	1-7	B2.306	TD	TTĐT	19/11/2023	2	1	TD	10	K10N37		
6	GYM302_231_10_L37	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	KT	C	5	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TD	GDTC	14/12/2023	3	1	TD	10	K10N37		
7	INE704_231_10_L37	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	2 2 2 4	1-5 1-5 1-5 1-5	13-16 17-18 19-20 19-20	B2.503 C306 B2.203 B2.402	TD	KTQT	29/01/2024	4	2	TD	10	K10N37	PM2 (7,8)	
8	ACC705_231_10_L37	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	3	1-5	12-20	B2.401	TD	KT-KT	27/01/2024	4	2	TD	10	K10N37		
9	BAF301_231_10_L37	Hoạt động kinh doanh ngân hàng (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	5	1-5	12-20	B2.307	TD	NH	31/01/2024	2	2	TD	10	K10N37		
10	BAF306_2311_10_L37	Thẩm định giá tài sản (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	6	1-5	12-20	B2302	TD	NH	25/01/2024	3	2	TD	10	K10N37		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
	KHÓA 10 NHÓM 38 (KT - Digital Accounting)																				
1	ECE301_231_10_L38	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	3	1-5	1-9	B2.307	TĐ	BMT	13/11/2023		1	TĐ	10	K10N38		
2	ACC301_231_10_L38	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	2 7	1-5 1-5	2-9 7	B2.401 B2.702	TĐ	KT-KT	17/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N38		
3	FIN301_231_10_L38	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	4	1-5	1-9	B2.401	TĐ	NH	15/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N38		
4	ITS318_231_10_L38	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	KT	C	5 6	1-5 1-5	1-9 7-9	C304 C304	TĐ	HTTT	14/11/2023	S3	1	TĐ	10	K10N38	PM(12)	PM
5	SKL310_231_10_L38	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	KT	C	6	1-5	1-6	B2.402	TĐ	TTĐT	19/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N38		
6	GYM302_231_10_L38	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	KT	S	5	1-3 4-5	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	14/12/2023	1	1	TĐ	10	K10N38		
7	INE704_231_10_L38	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	7 7 7 6	1-5 1-5 1-5 1-5	12-16 17-18 19-20 18-19	B2.305 C206 B2.305 B2.107	TĐ	KTQT	29/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N38	PM2 (7,8)	
8	ACC705_231_10_L38	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	2 3	1-5 1-5	13-20 18-19	B2.304 B2.103	TĐ	KT-KT	27/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N38		
9	MLM303_231_10_L38	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GDĐC	KT	C	6	1-5	12-17	B2.303	TĐ	LLCT	25/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N38		
10	DAT710_231_10_L38	Phân tích dữ liệu kế toán với Python (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	4 4 4	1-5 1-5 1-5	12 13-15 16-20	B2.304 C306 B2.304	TĐ	KT-KT	31/01/2024	C1	2	TĐ	10	K10N38	PM3	PM
	KHÓA 10 NHÓM 39 (KT - Digital Accounting)																				
1	ECE301_231_10_L39	Kinh tế lượng	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	3	1-5	1-9	B2.307	TĐ	BMT	13/11/2023		1	TĐ	10	K10N39		
2	ACC301_231_10_L39	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	2 7	1-5 1-5	2-9 7	B2.603 B2.702	TĐ	KT-KT	17/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N39		
3	FIN301_231_10_L39	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	4	1-5	1-9	B2.307	TĐ	NH	15/11/2023	4	1	TĐ	10	K10N39		
4	ITS318_231_10_L39	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	60	Cơ sở ngành	KT	S	5 6	1-5 1-5	1-9 7-9	C304 C304	TĐ	HTTT	14/11/2023	S3	1	TĐ	10	K10N39	PM(12)	PM
5	SKL310_231_10_L39	Kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết xung đột	2	30	KNM	KT	S	6	1-5	1-6	B2.403	TĐ	TTĐT	19/11/2023	2	1	TĐ	10	K10N39		
6	GYM302_231_10_L39	Học phần GDTC 2	1	30	GDTC	KT	C	5	4-5 1-3	1-6 7-9,12-14	Sân	TĐ	GDTC	14/12/2023	4	1	TĐ	10	K10N39		
7	INE704_231_10_L39	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	7 7 7 6	1-5 1-5 1-5 1-5	12-16 17-18 19-20 18-19	B2.305 C304 B2.305 B2.106	TĐ	KTQT	29/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N39	PM2 (7,8)	

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
8	ACC705_231_10_L39	Kế toán tài chính	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	2 3	1-5 1-5	13-20 18-19	B2.703 B2.103	TĐ	KT-KT	27/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N39		
9	MLM303_231_10_L39	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	GĐĐC	KT	S	6	1-5	12-17	B2.303	TĐ	LLCT	25/01/2024	4	2	TĐ	10	K10N39		
10	DAT710_231_10_L39	Phân tích dữ liệu kế toán với Python (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	4 4 4	1-5 1-5 1-5	12 13-15 16-20	B2.303 C304 B2.303	TĐ	KT-KT	31/01/2024	C1	2	TĐ	10	K10N39	PM3	PM
TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG DÀNH CHO SINH VIÊN KHÓA 10																					
1	ENS338_231_10_L01	Listening & Speaking 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	2 5	1-5 1-5	2-4 1-3	504 B2.402	36 TĐ TĐ	FLIC	02/10/2023	S1	1	Q.1	10			PM
2	ENS329_231_10_L01	Reading & Writing 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	3 6	1-5 1-5	1-3 1-3	505 505	36 TĐ	FLIC	03/10/2023	2	1	Q.1	10			
3	ENS338_231_10_L02	Listening & Speaking 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	2 5	1-5 1-5	2-4 1-3	301 B2.403	36 TĐ TĐ	FLIC	02/10/2023	C1	1	Q.1	10			PM
4	ENS329_231_10_L02	Reading & Writing 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	3 6	1-5 1-5	1-3 1-3	503 301	36 TĐ	FLIC	03/10/2023	4	1	Q.1	10			
5	ENS338_231_10_L03	Listening & Speaking 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	3 6	1-5 1-5	1-3 1-3	B2.404 301	TĐ 36 TĐ	FLIC	03/10/2023	S1	1	Q.1	10			PM
6	ENS329_231_10_L03	Reading & Writing 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	5 CN	1-5 1-5	1-3 1-3	B2.403 B2.203	TĐ TĐ	FLIC	05/10/2023	2	1	Q.1	10			
7	ENS338_231_10_L04	Listening & Speaking 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	3 6	1-5 1-5	1-3 1-3	B2.403 B2.403	TĐ	FLIC	03/10/2023	C1	1	TĐ	10			PM
8	ENS329_231_10_L04	Reading & Writing 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	5 CN	1-5 1-5	1-3 1-3	B2.307 B2.202	TĐ	FLIC	05/10/2023	4	1	TĐ	10			
9	ENS338_231_10_L05	Listening & Speaking 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	2 7	1-5 1-5	2-4 1-4	B2.202 B2.307	TĐ	FLIC	02/10/2023	S1	1	TĐ	10			PM
10	ENS329_231_10_L05	Reading & Writing 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	3 6	1-5 1-5	1-3 1-3	B2.403 B2.404	TĐ	FLIC	03/10/2023	2	1	TĐ	10			
11	ENS338_231_10_L06	Listening & Speaking 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	2 7	1-5 1-5	2-4 1-4	B2.402 B2.401	TĐ	FLIC	02/10/2023	C1	1	TĐ	10			PM
12	ENS329_231_10_L06	Reading & Writing 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	3 6	1-5 1-5	1-3 1-3	B2.404 B2.404	TĐ	FLIC	03/10/2023	4	1	TĐ	10			
13	ENS338_231_10_L07	Listening & Speaking 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	3 5	1-5 1-5	1-3 1-3	B2.401 B2.307	TĐ	FLIC	03/10/2023	S1	1	TĐ	10			PM
14	ENS329_231_10_L07	Reading & Writing 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	2 7	1-5 1-5	2-4 1-4	B2.203 B2.401	TĐ	FLIC	02/10/2023	2	1	TĐ	10			
15	ENS338_231_10_L08	Listening & Speaking 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	3 5	1-5 1-5	1-3 1-3	B2.401 B2.401	TĐ	FLIC	03/10/2023	C1	1	TĐ	10			PM
16	ENS329_231_10_L08	Reading & Writing 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	2 7	1-5 1-5	2-4 1-4	B2.403 B2.307	TĐ	FLIC	02/10/2023	4	1	TĐ	10			

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
17	ENS338_231_10_L09	Listening & Speaking 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	6 CN	1-5 1-5	1-3 1-3	B2.501 B2.202	TĐ	FLIC	06/10/2023	S1	1	TĐ	10			PM
18	ENS329_231_10_L09	Reading & Writing 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	3 5	1-5 1-5	1-3 1-3	B2.402 B2.401	TĐ	FLIC	03/10/2023	2	1	TĐ	10			
19	ENS338_231_10_L10	Listening & Speaking 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	6 CN	1-5 1-5	1-3 1-3	B2.501 B2.203	TĐ	FLIC	03/10/2023	C1	1	TĐ	10			PM
20	ENS329_231_10_L10	Reading & Writing 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	3 5	1-5 1-5	1-3 1-3	B2.402 B2.42	TĐ	FLIC	03/10/2023	4	1	TĐ	10			
21	ENS339_231_10_L01	Listening & Speaking 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	2 5	1-5 1-5	6-8 6-8	402 B2.902	36 TĐ TĐ	FLIC	06/11/2023	S1	1	Q.1	10			PM
22	ENS330_231_10_L01	Reading & Writing 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	3 6	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.804 B2.801	TĐ	FLIC	08/11/2023	1	1	Q.1	10			
23	ENS339_231_10_L02	Listening & Speaking 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	2 5	1-5 1-5	6-8 6-8	301 B2.803	36 TĐ TĐ	FLIC	06/11/2023	S1	1	Q.1	10			PM
24	ENS330_231_10_L02	Reading & Writing 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	3 6	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.802 301	TĐ 36 TĐ	FLIC	08/11/2023	1	1	Q.1	10			
25	ENS339_231_10_L03	Listening & Speaking 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	3 6	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.901 B2.802	TĐ	FLIC	06/11/2023	S1	1	Q.1	10			PM
26	ENS330_231_10_L03	Reading & Writing 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	5 CN	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.903 B2.206	TĐ	FLIC	08/11/2023	1	1	Q.1	10			
27	ENS339_231_10_L04	Listening & Speaking 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	3 6	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.804 501	TĐ 36 TĐ	FLIC	06/11/2023	S2	1	Q.1	10			PM
28	ENS330_231_10_L04	Reading & Writing 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	5 CN	1-5 1-5	6-8 6-8	502 B2.207	36 TĐ	FLIC	08/11/2023	2	1	Q.1	10			
29	ENS339_231_10_L05	Listening & Speaking 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	2 7	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.704 B2.703	TĐ	FLIC	06/11/2023	S2	1	Q.1	10			PM
30	ENS330_231_10_L05	Reading & Writing 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	3 6	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.902 B2.803	TĐ	FLIC	08/11/2023	2	1	Q.1	10			
31	ENS339_231_10_L06	Listening & Speaking 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	2 7	1-5 1-5	6-8 6-8	403 B2.803	36 TĐ	FLIC	06/11/2023	S2	1	Q.1	10			PM
32	ENS330_231_10_L06	Reading & Writing 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	3 6	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.803 502	TĐ 36 TĐ	FLIC	08/11/2023	2	1	Q.1	10			
33	ENS339_231_10_L07	Listening & Speaking 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	3 5	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.604 B2.701	TĐ	FLIC	06/11/2023	S1	1	TĐ	10			PM
34	ENS330_231_10_L07	Reading & Writing 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	2 7	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.604 B2.604	TĐ	FLIC	08/11/2023	1	1	TĐ	10			
35	ENS339_231_10_L08	Listening & Speaking 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	3 5	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.604 B2.704	TĐ	FLIC	06/11/2023	S1	1	TĐ	10			PM
36	ENS330_231_10_L08	Reading & Writing 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	2 7	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.703 B2.604	TĐ	FLIC	08/11/2023	1	1	TĐ	10			
37	ENS339_231_10_L09	Listening & Speaking 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	6 CN	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.604 B2.202	TĐ	FLIC	06/11/2023	S1	1	TĐ	10			PM

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
38	ENS330_231_10_L09	Reading & Writing 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	3 5	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.701 B2.702	TĐ	FLIC	08/11/2023	1	1	TĐ	10			
39	ENS339_231_10_L10	Listening & Speaking 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	6 CN	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.601 B2.202	TĐ	FLIC	06/11/2023	S2	1	TĐ	10			PM
40	ENS330_231_10_L10	Reading & Writing 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	3 5	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.701 B2.701	TĐ	FLIC	08/11/2023	1	1	TĐ	10			
41	ENS339_231_10_L11	Listening & Speaking 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	2 7	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.701 B2.701	TĐ	FLIC	06/11/2023	S2	1	TĐ	10			PM
42	ENS330_231_10_L11	Reading & Writing 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	6 CN	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.701 B2.203	TĐ	FLIC	08/11/2023	1	1	TĐ	10			
43	ENS339_231_10_L12	Listening & Speaking 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	2 7	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.704 B2.701	TĐ	FLIC	06/11/2023	S2	1	TĐ	10			PM
44	ENS330_231_10_L12	Reading & Writing 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	6 CN	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.602 B2.203	TĐ	FLIC	08/11/2023	1	1	TĐ	10			
45	ENS339_231_10_L13	Listening & Speaking 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	3 6	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.703 B2.702	TĐ	FLIC	06/11/2023	S3	1	TĐ	10			PM
46	ENS330_231_10_L13	Reading & Writing 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	5 CN	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.703 B2.204	TĐ	FLIC	08/11/2023	2	1	TĐ	10			
47	ENS339_231_10_L14	Listening & Speaking 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	3 6	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.702 B2.603	TĐ	FLIC	06/11/2023	S3	1	TĐ	10			PM
48	ENS330_231_10_L14	Reading & Writing 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	5 CN	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.702 B2.204	TĐ	FLIC	08/11/2023	2	1	TĐ	10			
49	ENS339_231_10_L15	Listening & Speaking 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	3 6	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.704 B2.703	TĐ	FLIC	06/11/2023	S3	1	TĐ	10			PM
50	ENS330_231_10_L15	Reading & Writing 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	5 CN	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.704 B2.205	TĐ	FLIC	08/11/2023	2	1	TĐ	10			
51	ENS339_231_10_L16	Listening & Speaking 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	3 6	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.703 B2.604	TĐ	FLIC	06/11/2023	C1	1	TĐ	10			PM
52	ENS330_231_10_L16	Reading & Writing 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	5 CN	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.703 B2.205	TĐ	FLIC	08/11/2023	2	1	TĐ	10			
53	ENS339_231_10_L17	Listening & Speaking 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	2 6	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.702 B2.704	TĐ	FLIC	06/11/2023	C1	1	TĐ	10			PM
54	ENS330_231_10_L17	Reading & Writing 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	3 8	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.702 B2.102	TĐ	FLIC	08/11/2023	2	1	TĐ	10			
55	ENS339_231_10_L18	Listening & Speaking 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	2 6	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.801 B2.701	TĐ	FLIC	06/11/2023	C1	1	TĐ	10			PM
56	ENS330_231_10_L18	Reading & Writing 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	3 CN	1-5 1-5	6-8 6-8	B2.704 B2.206	TĐ	FLIC	08/11/2023	2	1	TĐ	10			
1	ENS340_231_10_L01	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	2	1-5	13-14 15-19	B2.704 504	TĐ 36 TTĐ	FLIC	22/01/2024	S1	2	Q.1	10			PM
2	ENS340_231_10_L02	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	3	1-5	12 13-14 15-17	B2.402 B2.804 B2.604	TĐ TĐ TĐ	FLIC	22/01/2024	S1	2	Q.1	10			PM

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
3	ENS340_231_10_L03	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	4	1-5	12-17	B2.703	TĐ	FLIC	22/01/2024	S1	2	Q.1	10			PM
4	ENS340_231_10_L04	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	5	1-5	12-17	B2.901	TĐ	FLIC	22/01/2024	S2	2	Q.1	10			PM
5	ENS340_231_10_L05	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	6	1-5	12 13-17	301 B2.602	36 TTD TĐ	FLIC	22/01/2024	S2	2	Q.1	10			PM
6	ENS340_231_10_L06	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	7	1-5	12-19	503	36 TTD	FLIC	22/01/2024	S2	2	Q.1	10			PM
7	ENS340_231_10_L07	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	2	1-5	13-19	301	36 TTD	FLIC	22/01/2024	C1	2	Q.1	10			PM
8	ENS340_231_10_L08	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	3	1-5	12 13-14 15-17	407 B2.901 407	36 TTD TĐ 36 TTD	FLIC	22/01/2024	C1	2	Q.1	10			PM
9	ENS340_231_10_L09	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	4	1-5	12-17	B2.704	TĐ	FLIC	22/01/2024	C2	2	Q.1	10			PM
10	ENS340_231_10_L10	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	5	1-5	12-17	B2.804	TĐ	FLIC	22/01/2024	C2	2	Q.1	10			PM
11	ENS340_231_10_L11	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	6	1-5	12-17	B2.501	TĐ	FLIC	22/01/2024	S1	2	TĐ	10			PM
12	ENS340_231_10_L12	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	7	1-5	12-19	B2.603	TĐ	FLIC	22/01/2024	S1	2	TĐ	10			PM
13	ENS340_231_10_L13	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	2	1-5	13-19	B2.401	TĐ	FLIC	22/01/2024	S1	2	TĐ	10			PM
14	ENS340_231_10_L14	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	3	1-5	12-17	B2.701	TĐ	FLIC	22/01/2024	S2	2	TĐ	10			PM
15	ENS340_231_10_L15	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	4	1-5	12-17	B2.504	TĐ	FLIC	22/01/2024	S2	2	TĐ	10			PM
16	ENS340_231_10_L16	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	5	1-5	12-17	B2.702	TĐ	FLIC	22/01/2024	S2	2	TĐ	10			PM
17	ENS340_231_10_L17	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	6	1-5	12-17	B2.501	TĐ	FLIC	22/01/2024	S3	2	TĐ	10			PM
18	ENS340_231_10_L18	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	7	1-5	12-19	B2.603	TĐ	FLIC	22/01/2024	S3	2	TĐ	10			PM
19	ENS340_231_10_L19	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	2	1-5	13-19	B2.603	TĐ	FLIC	22/01/2024	S3	2	TĐ	10			PM
20	ENS340_231_10_L20	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	3	1-5	12-17	B2.702	TĐ	FLIC	22/01/2024	C1	2	TĐ	10			PM
21	ENS340_231_10_L21	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	4	1-5	12-17	B2.601	TĐ	FLIC	22/01/2024	C1	2	TĐ	10			PM
22	ENS340_231_10_L22	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	5	1-5	12-17	B2.702	TĐ	FLIC	22/01/2024	C1	2	TĐ	10			PM
23	ENS340_231_10_L23	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	6	1-5	12-17	B2.502	TĐ	FLIC	22/01/2024	C2	2	TĐ	10			PM

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
24	ENS340_231_10_L24	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	7	1-5	12-19	B2.604	TĐ	FLIC	22/01/2024	C2	2	TĐ	10			PM
25	ENS340_231_10_L25	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	2	1-5	13-19	B2.402	TĐ	FLIC	22/01/2024	C2	2	TĐ	10			PM
26	ENS340_231_10_L26	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	3	1-5	12-17	B2.702	TĐ	FLIC	22/01/2024	C3	2	TĐ	10			PM
27	ENS340_231_10_L27	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	4	1-5	12-17	B2.601	TĐ	FLIC	22/01/2024	C3	2	TĐ	10			PM
28	ENS340_231_10_L28	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	5	1-5	12-17	B2.703	TĐ	FLIC	22/01/2024	C3	2	TĐ	10			PM
29	ENS340_231_10_L29	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	2	1-5	13-19	B2.604	TĐ	FLIC	22/01/2024	S1	2	TĐ	10			PM
30	ENS340_231_10_L30	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	3	1-5	12-17	B2.703	TĐ	FLIC	22/01/2024	S1	2	TĐ	10			PM
31	ENS340_231_10_L31	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	4	1-5	12-17	B2.602	TĐ	FLIC	22/01/2024	S2	2	TĐ	10			PM
32	ENS340_231_10_L32	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	5	1-5	12-17	B2.703	TĐ	FLIC	22/01/2024	S2	2	TĐ	10			PM
33	ENS331_231_10_L01	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	7	1-5	12-19	405	36 TTD	FLIC	24/01/2024	1	2	Q.1	10			
34	ENS331_231_10_L02	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	6	1-5	12 13-14 15-17	504 B2.601 504	36 TTD TĐ 36 TTD	FLIC	24/01/2024	1	2	Q.1	10			
35	ENS331_231_10_L03	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	5	1-5	12-17	B2.902	TĐ	FLIC	24/01/2024	1	2	Q.1	10			
36	ENS331_231_10_L04	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	4	1-5	12-17	B2.704	TĐ	FLIC	24/01/2024	1	2	Q.1	10			
37	ENS331_231_10_L05	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	3	1-5	12 13-14 15-17	301 B2.901 B2.601	36 TTD TĐ TĐ	FLIC	24/01/2024	1	2	Q.1	10			
38	ENS331_231_10_L06	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	2	1-5	13-19	B2.801	TĐ	FLIC	24/01/2024	2	2	Q.1	10			
39	ENS331_231_10_L07	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	7	1-5	12-19	404	36 TTD	FLIC	24/01/2024	2	2	Q.1	10			
40	ENS331_231_10_L08	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	6	1-5	12 13-14 15-17	503 B2.504 503	36 TTD TĐ 36 TTD	FLIC	24/01/2024	2	2	Q.1	10			
41	ENS331_231_10_L09	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	5	1-5	12-17	B2.901	TĐ	FLIC	24/01/2024	2	2	Q.1	10			
42	ENS331_231_10_L10	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	4	1-5	12-17	B2.801	TĐ	FLIC	24/01/2024	2	2	Q.1	10			
43	ENS331_231_10_L11	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	3	1-5	12-17	B2.704	TĐ	FLIC	24/01/2024	1	2	TĐ	10			

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/ HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
44	ENS331_231_10_L12	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	2	1-5	13-19	B2.701	TĐ	FLIC	24/01/2024	1	2	TĐ	10			
45	ENS331_231_10_L13	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	7	1-5	12-19	B2.604	TĐ	FLIC	24/01/2024	1	2	TĐ	10			
46	ENS331_231_10_L14	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	6	1-5	12-17	B2.502	TĐ	FLIC	24/01/2024	1	2	TĐ	10			
47	ENS331_231_10_L15	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	5	1-5	12-17	B2.704	TĐ	FLIC	24/01/2024	1	2	TĐ	10			
48	ENS331_231_10_L16	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	4	1-5	12-17	B2.602	TĐ	FLIC	24/01/2024	1	2	TĐ	10			
49	ENS331_231_10_L17	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	3	1-5	12-17	B2.703	TĐ	FLIC	24/01/2024	2	2	TĐ	10			
50	ENS331_231_10_L18	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	2	1-5	13-19	B2.403	TĐ	FLIC	24/01/2024	2	2	TĐ	10			
51	ENS331_231_10_L19	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	7	1-5	12-19	B2.701	TĐ	FLIC	24/01/2024	2	2	TĐ	10			
52	ENS331_231_10_L20	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	6	1-5	12-17	B2.503	TĐ	FLIC	24/01/2024	2	2	TĐ	10			
53	ENS331_231_10_L21	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	5	1-5	12-17	B2.704	TĐ	FLIC	24/01/2024	2	2	TĐ	10			
54	ENS331_231_10_L22	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	4	1-5	12-17	B2.603	TĐ	FLIC	24/01/2024	2	2	TĐ	10			
55	ENS331_231_10_L23	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	3	1-5	12-17	B2.801	TĐ	FLIC	24/01/2024	3	2	TĐ	10			
56	ENS331_231_10_L24	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	2	1-5	13-19	B2.702	TĐ	FLIC	24/01/2024	3	2	TĐ	10			
57	ENS331_231_10_L25	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	5	1-5	12-17	B2.801	TĐ	FLIC	24/01/2024	3	2	TĐ	10			
58	ENS331_231_10_L26	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	4	1-5	12-17	B2.603	TĐ	FLIC	24/01/2024	3	2	TĐ	10			
59	ENS331_231_10_L27	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	3	1-5	12-17	B2.704	TĐ	FLIC	24/01/2024	3	2	TĐ	10			
60	ENS331_231_10_L28	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	2	1-5	13-19	B2.404	TĐ	FLIC	24/01/2024	3	2	TĐ	10			
61	ENS331_231_10_L29	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	5	1-5	12-17	B2.801	TĐ	FLIC	24/01/2024	4	2	TĐ	10			
62	ENS331_231_10_L30	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	4	1-5	12-17	B2.604	TĐ	FLIC	24/01/2024	4	2	TĐ	10			
63	ENS331_231_10_L31	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	3	1-5	12-17	B2.802	TĐ	FLIC	24/01/2024	4	2	TĐ	10			
64	ENS331_231_10_L32	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	2	1-5	13-19	B2.703	TĐ	FLIC	24/01/2024	4	2	TĐ	10			

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
	KHÓA 11 NHÓM 1 (TCNH)																				
1	AMA301_2311_11_L01	Toán cao cấp 1	2	30	GĐDC	TCNH	S	3	1-5	5-8 13-14	505 505	36 TTD	BMT	26/01/2024	1	2	Q.1	11	K11N1		
2	MES302_2311_11_L01	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	2	1-5	5-8 13-17	503 503	36 TTD	KTQT	29/01/2024	1	2	Q.1	11	K11N1		
3	LAW349_2311_11_L01	Pháp luật đại cương	2	30	GĐDC	TCNH	S	6	1-5	5-8 13-14	502 504	36 TTD	LKT	31/01/2024	3	2	Q.1	11	K11N1		
4	MAG322_2311_11_L01	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	4	1-5	5-8 13-17	402 505	36 TTD	QTKD	30/01/2024	S1	2	Q.1	11	K11N1		PM
5	MKE308_231_11_L01	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5	1-5	5-8 13-17	301 301	36 TTD	QTKD	25/01/2024	S1	2	Q.1	11	K11N1		PM
6	BAF312_231_11_L01	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	S	6	1-5	15-20	505	36 TTD	NH	27/01/2024	1	2	Q.1	11	K11N1		
	KHÓA 11 NHÓM 2 (TCNH)																				
1	AMA301_2311_11_L02	Toán cao cấp 1	2	30	GĐDC	TCNH	C	3	1-5	5-8 13-14	503 503	36 TTD	BMT	26/01/2024	1	2	Q.1	11	K11N2	Dự thảo	
2	MES302_2311_11_L02	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	2	1-5	5-8 13-17	501 501	36 TTD	KTQT	29/01/2024	1	2	Q.1	11	K11N2	Dự thảo	
3	LAW349_2311_11_L02	Pháp luật đại cương	2	30	GĐDC	TCNH	C	6	1-5	5-8 13-14	503 503	36 TTD	LKT	31/01/2024	3	2	Q.1	11	K11N2	Dự thảo	
4	MAG322_2311_11_L02	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	4	1-5	5-8 13-17	503 502	36 TTD	QTKD	30/01/2024	S1	2	Q.1	11	K11N2	Dự thảo	PM
5	MKE308_231_11_L02	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	5	1-5	5-8 13-17	504 504	36 TTD	QTKD	25/01/2024	S1	2	Q.1	11	K11N2	Dự thảo	PM
6	BAF312_231_11_L02	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	C	6	1-5	15-20	505	36 TTD	NH	27/01/2024	1	2	Q.1	11	K11N2	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 3 (TCNH)																				
1	AMA301_2311_11_L03	Toán cao cấp 1	2	30	GĐDC	TCNH	S	2	1-5	5-8 13-14	504 504	36 TTD	BMT	26/01/2024	1	2	Q.1	11	K11N3	Dự thảo	
2	MES302_2311_11_L03	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	6	1-5	5-8 13-17	503 503	36 TTD	KTQT	29/01/2024	1	2	Q.1	11	K11N3	Dự thảo	
3	LAW349_2311_11_L03	Pháp luật đại cương	2	30	GĐDC	TCNH	S	3	1-5	5-8 13-14	301 301	36 TTD	LKT	31/01/2024	3	2	Q.1	11	K11N3	Dự thảo	
4	MAG322_2311_11_L03	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5	1-5	5-8 13-17	404 504	36 TTD	QTKD	30/01/2024	S1	2	Q.1	11	K11N3	Dự thảo	PM
5	MKE308_231_11_L03	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	4	1-5	5-8 13-17	403 502	36 TTD	QTKD	25/01/2024	S1	2	Q.1	11	K11N3	Dự thảo	PM
6	BAF312_231_11_L03	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	S	3	1-5	15-20	301	36 TTD	NH	27/01/2024	1	2	Q.1	11	K11N3	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 4 (TCNH)																				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
1	AMA301_2311_11_L04	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	TCNH	C	2	1-5	5-8 13-14	502 502	36 TTD	BMT	26/01/2024	1	2	Q.1	11	K11N4	Dự thảo	
2	MES302_2311_11_L04	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	6	1-5	5-8 13-17	504 504	36 TTD	KTQT	29/01/2024	1	2	Q.1	11	K11N4	Dự thảo	
3	LAW349_2311_11_L04	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	TCNH	C	3	1-5	5-8 13-14	504 504	36 TTD	LKT	31/01/2024	3	2	Q.1	11	K11N4	Dự thảo	
4	MAG322_2311_11_L04	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	5	1-5	5-8 13-17	505 505	36 TTD	QTKD	30/01/2024	S2	2	Q.1	11	K11N4	Dự thảo	PM
5	MKE308_231_11_L04	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	4	1-5	5-8 13-17	504 504	36 TTD	QTKD	25/01/2024	S2	2	Q.1	11	K11N4	Dự thảo	PM
6	BAF312_231_11_L04	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	C	3	1-5	15-20	502	36 TTD	NH	27/01/2024	1	2	Q.1	11	K11N4	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 5 (TCNH)																				
1	AMA301_2311_11_L05	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	TCNH	S	4	1-5	5-8 13-14	505 B2.801	36 TTD TD	BMT	26/01/2024	1	2	Q.1	11	K11N5	Dự thảo	
2	MES302_2311_11_L05	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5	1-5	5-8 13-17	406 505	36 TTD	KTQT	29/01/2024	1	2	Q.1	11	K11N5	Dự thảo	
3	LAW349_2311_11_L05	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	TCNH	S	7	1-5	5-8 13-14	504 504	36 TTD	LKT	31/01/2024	3	2	Q.1	11	K11N5	Dự thảo	
4	MAG322_2311_11_L05	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	2	1-5	5-8 13-17	505 505	36 TTD	QTKD	30/01/2024	S2	2	Q.1	11	K11N5	Dự thảo	PM
5	MKE308_231_11_L05	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	3	1-5	5-8 13-17	502 502	36 TTD	QTKD	25/01/2024	S2	2	Q.1	11	K11N5	Dự thảo	PM
6	BAF312_231_11_L05	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	S	4	1-5	15-20	503	36 TTD	NH	27/01/2024	1	2	Q.1	11	K11N5	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 6 (TCNH)																				
1	AMA301_2311_11_L06	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	TCNH	C	4	1-5	5-8 13-14	505 406	36 TTD	BMT	26/01/2024	2	2	Q.1	11	K11N6	Dự thảo	
2	MES302_2311_11_L06	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	5	1-5	5-8 13-17	301 301	36 TTD	KTQT	29/01/2024	2	2	Q.1	11	K11N6	Dự thảo	
3	LAW349_2311_11_L06	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	TCNH	C	7	1-5	5-8 13-14	B2.801 407	TD 36 TTD	LKT	31/01/2024	4	2	Q.1	11	K11N6	Dự thảo	
4	MAG322_2311_11_L06	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	2	1-5	5-8 13-17	503 503	36 TTD	QTKD	30/01/2024	S2	2	Q.1	11	K11N6	Dự thảo	PM
5	MKE308_231_11_L06	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	3	1-5	5-8 13-17	505 505	36 TTD	QTKD	25/01/2024	S2	2	Q.1	11	K11N6	Dự thảo	PM
6	BAF312_231_11_L06	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	C	4	1-5	15-20	503	36 TTD	NH	27/01/2024	1	2	Q.1	11	K11N6	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 7 (TCNH)																				
1	AMA301_2311_11_L07	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	TCNH	S	5	1-5	5-8 13-14	501 402	36 TTD	BMT	26/01/2024	2	2	Q.1	11	K11N7	Dự thảo	

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
2	MES302_2311_11_L07	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	4	1-5	5-8 13-17	301 301	36 TTD	KTQT	29/01/2024	2	2	Q.1	11	K11N7	Dự thảo	
3	LAW349_2311_11_L07	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	TCNH	S	7	1-5	5-8 13-14	505 407	36 TTD	LKT	31/01/2024	4	2	Q.1	11	K11N7	Dự thảo	
4	MAG322_2311_11_L07	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	3	1-5	5-8 13-17	503 503	36 TTD	QTKD	30/01/2024	S3	2	Q.1	11	K11N7	Dự thảo	PM
5	MKE308_231_11_L07	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	2	1-5	5-8 13-17	301 301	36 TTD	QTKD	25/01/2024	S3	2	Q.1	11	K11N7	Dự thảo	PM
6	BAF312_231_11_L07	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	S	5	1-5	15-20	502	36 TTD	NH	27/01/2024	2	2	Q.1	11	K11N7	Dự thảo	
KHÓA 11 NHÓM 8 (TCNH)																					
1	AMA301_2311_11_L08	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	TCNH	C	5	1-5	5-8 13-14	405 501	36 TTD	BMT	26/01/2024	2	2	Q.1	11	K11N8	Dự thảo	
2	MES302_2311_11_L08	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	4	1-5	5-8 13-17	301 301	36 TTD	KTQT	29/01/2024	2	2	Q.1	11	K11N8	Dự thảo	
3	LAW349_2311_11_L08	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	TCNH	C	7	1-5	5-8 13-14	B2.802 406	TĐ 36 TTD	LKT	31/01/2024	4	2	Q.1	11	K11N8	Dự thảo	
4	MAG322_2311_11_L08	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	3	1-5	5-8 13-17	301 301	36 TTD	QTKD	30/01/2024	S3	2	Q.1	11	K11N8	Dự thảo	PM
5	MKE308_231_11_L08	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	2	1-5	5-8 13-17	504 504	36 TTD	QTKD	25/01/2024	S3	2	Q.1	11	K11N8	Dự thảo	PM
6	BAF312_231_11_L08	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	C	5	1-5	15-20	502	36 TTD	NH	27/01/2024	2	2	Q.1	11	K11N8	Dự thảo	
KHÓA 11 NHÓM 9 (TCNH)																					
1	MES302_2311_11_L09	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	2	1-5	5-8 13-17	B2.107 B2.107	TĐ	KTQT	29/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N9	Dự thảo	
2	LAW349_2311_11_L09	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	TCNH	S	6	1-5	5-8 13-14	B2.404 B2.304	TĐ	LKT	31/01/2024	3	2	TĐ	11	K11N9	Dự thảo	
3	MAG322_2311_11_L09	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	4	1-5	5-8 13-17	B2.401 B2304	TĐ	QTKD	30/01/2024	S1	2	TĐ	11	K11N9	Dự thảo	PM
4	MKE308_231_11_L09	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	7	1-5	5-8 13-19	B2.307 B2.306	TĐ	QTKD	25/01/2024	S1	2	TĐ	11	K11N9	Dự thảo	PM
5	BAF312_231_11_L09	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	S	3	1-5	5-8 13-14	B2.305 B2.204	TĐ	NH	27/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N9	Dự thảo	
6	AMA301_2311_11_L09	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	TCNH	S	3	1-5	15-20	B2.402	TĐ	BMT	26/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N9	Dự thảo	
KHÓA 11 NHÓM 10 (TCNH)																					
1	MES302_2311_11_L10	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	2	1-5	5-8 13-17	B2.402 B2.305	TĐ	KTQT	29/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N10	Dự thảo	
2	LAW349_2311_11_L10	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	TCNH	C	6	1-5	5-8 13-14	B2.302 B2.304	TĐ	LKT	31/01/2024	3	2	TĐ	11	K11N10	Dự thảo	

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
3	MAG322_2311_11_L10	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	4	1-5	5-8 13-17	B2.402 B2.305	TĐ	QTKD	30/01/2024	S1	2	TĐ	11	K11N10	Dự thảo	PM
4	MKE308_231_11_L10	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	7	1-5	5-8 13-19	B2.307 B2.306	TĐ	QTKD	25/01/2024	S1	2	TĐ	11	K11N10	Dự thảo	PM
5	BAF312_231_11_L10	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	C	3	1-5	5-8 13-14	B2.306 B2.902	TĐ	NH	27/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N10	Dự thảo	
6	AMA301_2311_11_L10	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	TCNH	C	3	1-5	15-20	B2.403	TĐ	BMT	26/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N10	Dự thảo	
KHÓA 11 NHÓM 11 (TCNH)																					
1	MES302_2311_11_L11	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	6	1-5	5-8 13-17	B2.501 B2.305	TĐ	KTQT	29/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N11	Dự thảo	
2	LAW349_2311_11_L11	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	TCNH	S	3	1-5	5-8 13-14	B2.401 B2.402	TĐ	LKT	31/01/2024	3	2	TĐ	11	K11N11	Dự thảo	
3	MAG322_2311_11_L11	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5	1-5	5-8 13-17	B2.904 B2.401	TĐ	QTKD	30/01/2024	S1	2	TĐ	11	K11N11	Dự thảo	PM
4	MKE308_231_11_L11	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	4	1-5	5-8 13-17	B2.402 B2.305	TĐ	QTKD	25/01/2024	S1	2	TĐ	11	K11N11	Dự thảo	PM
5	BAF312_231_11_L11	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	S	7	1-5	5-8 13-14	B2.401 B2.307	TĐ	NH	27/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N11	Dự thảo	
6	AMA301_2311_11_L11	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	TCNH	S	7 4	1-5 1-5	15-20 18-19	B2.307 B2.307	TĐ	BMT	26/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N11	Dự thảo	
KHÓA 11 NHÓM 12 (TCNH)																					
1	MES302_2311_11_L12	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	6	1-5	5-8 13-17	B2.306 B2.305	TĐ	KTQT	29/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N12	Dự thảo	
2	LAW349_2311_11_L12	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	TCNH	C	3	1-5	5-8 13-14	B2.401 B2.404	TĐ	LKT	31/01/2024	3	2	TĐ	11	K11N12	Dự thảo	
3	MAG322_2311_11_L12	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	5	1-5	5-8 13-17	B2.307 B2.401	TĐ	QTKD	30/01/2024	S2	2	TĐ	11	K11N12	Dự thảo	PM
4	MKE308_231_11_L12	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	4	1-5	5-8 13-17	B2.403 B2.306	TĐ	QTKD	25/01/2024	S2	2	TĐ	11	K11N12	Dự thảo	PM
5	BAF312_231_11_L12	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	C	7	1-5	5-8 13-14	B2.401 B2.307	TĐ	NH	27/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N12	Dự thảo	
6	AMA301_2311_11_L12	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	TCNH	C	7 4	1-5 1-5	15-20 18-19	B2.307 B2.305	TĐ	BMT	26/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N12	Dự thảo	
KHÓA 11 NHÓM 13 (TCNH)																					
1	MES302_2311_11_L13	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5	1-5	5-8 13-17	B2.307 B2.402	TĐ	KTQT	29/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N13	Dự thảo	
2	LAW349_2311_11_L13	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	TCNH	S	2	1-5	5-8 13-14	B2.202 B2.202	TĐ	LKT	31/01/2024	3	2	TĐ	11	K11N13	Dự thảo	
3	MAG322_2311_11_L13	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	7	1-5	5-8 13-19	B2.402 B2.401	TĐ	QTKD	30/01/2024	S2	2	TĐ	11	K11N13	Dự thảo	PM

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
4	MKE308_231_11_L13	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	3	1-5	5-8 13-17	B2.402 B2.403	TĐ	QTKD	25/01/2024	S2	2	TĐ	11	K11N13	Dự thảo	PM
5	BAF312_231_11_L13	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	S	4	1-5	5-8 13-14	B2.403 B2.303	TĐ	NH	27/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N13	Dự thảo	
6	AMA301_2311_11_L13	Toán cao cấp 1	2	30	GĐDC	TCNH	S	4	1-5	15-20	B2.306	TĐ	BMT	26/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N13	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 14 (TCNH)																				
1	MES302_2311_11_L14	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	5	1-5	5-8 13-17	B2.401 B2.402	TĐ	KTQT	29/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N14	Dự thảo	
2	LAW349_2311_11_L14	Pháp luật đại cương	2	30	GĐDC	TCNH	C	2	1-5	5-8 13-14	B2.403 B2.306	TĐ	LKT	31/01/2024	3	2	TĐ	11	K11N14	Dự thảo	
3	MAG322_2311_11_L14	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	7	1-5	5-8 13-19	B2.402 B2.401	TĐ	QTKD	30/01/2024	S2	2	TĐ	11	K11N14	Dự thảo	PM
4	MKE308_231_11_L14	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	3	1-5	5-8 13-17	B2.402 B2.501	TĐ	QTKD	25/01/2024	S2	2	TĐ	11	K11N14	Dự thảo	PM
5	BAF312_231_11_L14	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	C	4	1-5	5-8 13-14	B2.404 B2.304	TĐ	NH	27/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N14	Dự thảo	
6	AMA301_2311_11_L14	Toán cao cấp 1	2	30	GĐDC	TCNH	C	4	1-5	15-20	B2.307	TĐ	BMT	26/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N14	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 15 (TCNH)																				
1	MES302_2311_11_L15	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	4	1-5	5-8 13-17	B2.404 B2.307	TĐ	KTQT	29/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N15	Dự thảo	
2	LAW349_2311_11_L15	Pháp luật đại cương	2	30	GĐDC	TCNH	S	5	1-5	5-8 13-14	B2.402 B2.403	TĐ	LKT	31/01/2024	3	2	TĐ	11	K11N15	Dự thảo	
3	MAG322_2311_11_L15	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	3	1-5	5-8 13-17	B2.403 B2.404	TĐ	QTKD	30/01/2024	S3	2	TĐ	11	K11N15	Dự thảo	PM
4	MKE308_231_11_L15	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	2	1-5	5-8 13-17	B2.203 B2.203	TĐ	QTKD	25/01/2024	S3	2	TĐ	11	K11N15	Dự thảo	PM
5	BAF312_231_11_L15	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	S	6	1-5	5-8 13-14	B2.502 B2.306	TĐ	NH	27/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N15	Dự thảo	
6	AMA301_2311_11_L15	Toán cao cấp 1	2	30	GĐDC	TCNH	S	5	1-5	15-20	B2.403	TĐ	BMT	26/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N15	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 16 (TCNH)																				
1	MES302_2311_11_L16	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	4	1-5	5-8 13-17	B2.501 B2.401	TĐ	KTQT	29/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N16	Dự thảo	
2	LAW349_2311_11_L16	Pháp luật đại cương	2	30	GĐDC	TCNH	C	5	1-5	5-8 13-14	B2.402 B2.403	TĐ	LKT	31/01/2024	3	2	TĐ	11	K11N16	Dự thảo	
3	MAG322_2311_11_L16	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	3	1-5	5-8 13-17	B2.403 B2.502	TĐ	QTKD	30/01/2024	S3	2	TĐ	11	K11N16	Dự thảo	PM
4	MKE308_231_11_L16	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	2	1-5	5-8 13-17	B2.404 B2.307	TĐ	QTKD	25/01/2024	S3	2	TĐ	11	K11N16	Dự thảo	PM

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
5	BAF312_231_11_L16	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	C	6	1-5	5-8 13-14	B2.403 B2.306	TĐ	NH	27/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N16	Dự thảo	
6	AMA301_2311_11_L16	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	TCNH	C	5	1-5	15-20	B2.403	TĐ	BMT	26/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N16	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 17 (TCNH)																				
1	MES302_2311_11_L17	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	2	1-5	5-8 13-17	B2.204 B2.204	TĐ	KTQT	29/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N17	Dự thảo	
2	MAG322_2311_11_L17	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	7	1-5	5-8 13-19	B2.403 B2.402	TĐ	QTKD	30/01/2024	S3	2	TĐ	11	K11N17	Dự thảo	PM
3	MKE308_231_11_L17	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5	1-5	5-8 13-17	B2.403 B2.404	TĐ	QTKD	25/01/2024	S3	2	TĐ	11	K11N17	Dự thảo	PM
4	BAF312_231_11_L17	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	S	6	1-5	5-8 13-14	B2.503 B2.307	TĐ	NH	27/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N17	Dự thảo	
5	AMA301_2311_11_L17	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	TCNH	S	3	1-5	5-8 13-14	B2.404 B2.501	TĐ	BMT	26/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N17	Dự thảo	
6	LAW349_2311_11_L17	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	TCNH	S	3	1-5	15-20	B2.501	TĐ	LKT	31/01/2024	3	2	TĐ	11	K11N17	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 18 (TCNH)																				
1	MES302_2311_11_L18	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	2	1-5	5-8 13-17	B2.501 B2.401	TĐ	KTQT	29/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N18	Dự thảo	
2	MAG322_2311_11_L18	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	7	1-5	5-8 13-19	B2.403 B2.402	TĐ	QTKD	30/01/2024	C1	2	TĐ	11	K11N18	Dự thảo	PM
3	MKE308_231_11_L18	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	5	1-5	5-8 13-17	B2.403 B2.404	TĐ	QTKD	25/01/2024	C1	2	TĐ	11	K11N18	Dự thảo	PM
4	BAF312_231_11_L18	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	C	6	1-5	5-8 13-14	B2.404 B2.307	TĐ	NH	27/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N18	Dự thảo	
5	AMA301_2311_11_L18	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	TCNH	C	3	1-5	5-8 13-14	B2.404 B2.503	TĐ	BMT	26/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N18	Dự thảo	
6	LAW349_2311_11_L18	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	TCNH	C	3	1-5	15-20	B2.404	TĐ	LKT	31/01/2024	4	2	TĐ	11	K11N18	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 19 (TCNH)																				
1	MES302_2311_11_L19	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	6	1-5	5-8 13-17	B2.504 B2.401	TĐ	KTQT	29/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N19	Dự thảo	
2	MAG322_2311_11_L19	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5	1-5	5-8 13-17	B2.404 B2.501	TĐ	QTKD	30/01/2024	C1	2	TĐ	11	K11N19	Dự thảo	PM
3	MKE308_231_11_L19	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	7	1-5	5-8 13-19	B2.404 B2.403	TĐ	QTKD	25/01/2024	C1	2	TĐ	11	K11N19	Dự thảo	PM
4	BAF312_231_11_L19	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	S	3	1-5	5-8 13-14	B2.501 B2.502	TĐ	NH	27/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N19	Dự thảo	
5	AMA301_2311_11_L19	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	TCNH	S	2	1-5	5-8 13-14	B2.205 B2.205	TĐ	BMT	26/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N19	Dự thảo	

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
6	LAW349_2311_11_L19	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	TCNH	S	2	1-5	15-20	B2.202	TĐ	LKT	31/01/2024	4	2	TĐ	11	K11N19	Dự thảo	
KHÓA 11 NHÓM 20 (TCNH)																					
1	MES302_2311_11_L20	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	6	1-5	5-8 13-17	B2.501 B2.401	TĐ	KTQT	29/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N20	Dự thảo	
2	MAG322_2311_11_L20	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	5	1-5	5-8 13-17	B2.404 B2.501	TĐ	QTKD	30/01/2024	C1	2	TĐ	11	K11N20	Dự thảo	PM
3	MKE308_231_11_L20	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	7	1-5	5-8 13-19	B2.404 B2.403	TĐ	QTKD	25/01/2024	C1	2	TĐ	11	K11N20	Dự thảo	PM
4	BAF312_231_11_L20	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	C	3	1-5	5-8 13-14	B2.501 B2.504	TĐ	NH	27/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N20	Dự thảo	
5	AMA301_2311_11_L20	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	TCNH	C	2	1-5	5-8 13-14	B2.502 B2.402	TĐ	BMT	26/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N20	Dự thảo	
6	LAW349_2311_11_L20	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	TCNH	C	2	1-5	15-20	B2.306	TĐ	LKT	31/01/2024	4	2	TĐ	11	K11N20	Dự thảo	
KHÓA 11 NHÓM 21 (TCNH)																					
1	MES302_2311_11_L21	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5	1-5	5-8 13-17	B2.501 B2.502	TĐ	KTQT	29/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N21	Dự thảo	
2	MAG322_2311_11_L21	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	2	1-5	5-8 13-17	B2.206 B2.206	TĐ	QTKD	30/01/2024	C2	2	TĐ	11	K11N21	Dự thảo	PM
3	MKE308_231_11_L21	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	3	1-5	5-8 13-17	B2.502 B2.503	TĐ	QTKD	25/01/2024	C2	2	TĐ	11	K11N21	Dự thảo	PM
4	BAF312_231_11_L21	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	S	4	1-5	5-8 13-14	B2.501 B2.306	TĐ	NH	27/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N21	Dự thảo	
5	AMA301_2311_11_L21	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	TCNH	S	7	1-5	5-8 13-14	B2.501 B2.404	TĐ	BMT	26/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N21	Dự thảo	
6	LAW349_2311_11_L21	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	TCNH	S	7	1-5	15-20	B2.404	TĐ	LKT	31/01/2024	4	2	TĐ	11	K11N21	Dự thảo	
KHÓA 11 NHÓM 22 (TCNH)																					
1	MES302_2311_11_L22	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	5	1-5	5-8 13-17	B2.501 B2.502	TĐ	KTQT	29/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N22	Dự thảo	
2	MAG322_2311_11_L22	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	2	1-5	5-8 13-17	B2.503 B2.403	TĐ	QTKD	30/01/2024	C2	2	TĐ	11	K11N22	Dự thảo	PM
3	MKE308_231_11_L22	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	3	1-5	5-8 13-17	B2.502 B2.601	TĐ	QTKD	25/01/2024	C2	2	TĐ	11	K11N22	Dự thảo	PM
4	BAF312_231_11_L22	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	C	4	1-5	5-8 13-14	B2.502 B2.307	TĐ	NH	27/01/2024	1	2	TĐ	11	K11N22	Dự thảo	
5	AMA301_2311_11_L22	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	TCNH	C	7	1-5	5-8 13-14	B2.501 B2.404	TĐ	BMT	26/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N22	Dự thảo	
6	LAW349_2311_11_L22	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	TCNH	C	7	1-5	15-20	B2.404	TĐ	LKT	31/01/2024	4	2	TĐ	11	K11N22	Dự thảo	

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
	KHÓA 11 NHÓM 23 (TCNH)																				
1	MES302_2311_11_L23	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	4	1-5	5-8 13-17	B2.502 B2.401	TĐ	KTQT	29/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N23	Dự thảo	
2	MAG322_2311_11_L23	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	3	1-5	5-8 13-17	B2.503 B2.504	TĐ	QTKD	30/01/2024	C2	2	TĐ	11	K11N23	Dự thảo	PM
3	MKE308_231_11_L23	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	2	1-5	5-8 13-17	B2.207 B2.207	TĐ	QTKD	25/01/2024	C2	2	TĐ	11	K11N23	Dự thảo	PM
4	BAF312_231_11_L23	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	S	5	1-5	5-8 13-14	B2.502 B2.503	TĐ	NH	27/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N23	Dự thảo	
5	AMA301_2311_11_L23	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	TCNH	S	7	1-5	5-8 13-14	B2.502 B2.501	TĐ	BMT	26/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N23	Dự thảo	
6	LAW349_2311_11_L23	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	TCNH	S	5	1-5	15-20	B2.503	TĐ	LKT	31/01/2024	4	2	TĐ	11	K11N23	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 24 (TCNH)																				
1	MES302_2311_11_L24	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	4	1-5	5-8 13-17	B2.503 B2.402	TĐ	KTQT	29/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N24	Dự thảo	
2	MAG322_2311_11_L24	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	3	1-5	5-8 13-17	B2.503 B2.602	TĐ	QTKD	30/01/2024	C3	2	TĐ	11	K11N24	Dự thảo	PM
3	MKE308_231_11_L24	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	2	1-5	5-8 13-17	B2.504 B2.404	TĐ	QTKD	25/01/2024	C3	2	TĐ	11	K11N24	Dự thảo	PM
4	BAF312_231_11_L24	Giới thiệu ngành TCNH	2	30	Cơ sở ngành	TCNH	C	5	1-5	5-8 13-14	B2.502 B2.503	TĐ	NH	27/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N24	Dự thảo	
5	AMA301_2311_11_L24	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	TCNH	C	7	1-5	5-8 13-14	B2.502 B2.501	TĐ	BMT	26/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N24	Dự thảo	
6	LAW349_2311_11_L24	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	TCNH	C	5	1-5	15-20	B2.503	TĐ	LKT	31/01/2024	4	2	TĐ	11	K11N24	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 25 (QTKD)																				
1	MES303_2311_11_L25	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	2	1-5	5-8 13-17	501 501	36 TTĐ	KTQT	29/01/2024	2	2	Q.1	11	K11N25	Dự thảo	
2	MAG322_2311_11_L25	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	4	1-5	5-8 13-17	405 504	36 TTĐ	QTKD	30/01/2024	S3	2	Q.1	11	K11N25	Dự thảo	PM
3	MKE308_231_11_L25	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5	1-5	5-8 13-17	505 503	36 TTĐ	QTKD	25/01/2024	S3	2	Q.1	11	K11N25	Dự thảo	PM
4	AMA301_2311_11_L25	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	TCNH	S	3	1-5	5-8 13-14	504 405	36 TTĐ	BMT	26/01/2024	2	2	Q.1	11	K11N25	Dự thảo	
5	LAW349_2311_11_L25	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	TCNH	S	6	1-5	5-8 13-14	504 505	36 TTĐ	LKT	31/01/2024	4	2	Q.1	11	K11N25	Dự thảo	
6	AMA302_2311_11_L25	Toán cao cấp 2	2	30	GDĐC	TCNH	S	3	1-5	15-20	402	36 TTĐ	BMT	27/01/2024	4	2	Q.1	11	K11N25	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 26 (QTKD)																				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
1	MES303_2311_11_L26	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	2	1-5	5-8 13-17	505 505	36 TTB	KTQT	29/01/2024	2	2	Q.1	11	K11N26	Dự thảo	
2	MAG322_2311_11_L26	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	4	1-5	5-6 7-8 13-17	403 406 505	36 TTB	QTKD	30/01/2024	C1	2	Q.1	11	K11N26	Dự thảo	PM
3	MKE308_231_11_L26	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	C	5	1-5	5-8 13-17	407 503	36 TTB	QTKD	25/01/2024	C1	2	Q.1	11	K11N26	Dự thảo	PM
4	AMA301_2311_11_L26	Toán cao cấp 1	2	30	GĐBC	TCNH	C	3	1-5	5-8 13-14	404 404	36 TTB	BMT	26/01/2024	2	2	Q.1	11	K11N26	Dự thảo	
5	LAW349_2311_11_L26	Pháp luật đại cương	2	30	GĐBC	TCNH	C	6	1-5	5-8 13-14	505 301	36 TTB	LKT	31/01/2024	4	2	Q.1	11	K11N26	Dự thảo	
6	AMA302_2311_11_L26	Toán cao cấp 2	2	30	GĐBC	TCNH	C	3	1-5	15-20	402	36 TTB	BMT	27/01/2024	4	2	Q.1	11	K11N26	Dự thảo	
KHÓA 11 NHÓM 27 (QTKD)																					
1	MES303_2311_11_L27	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	6	1-5	5-8 13-17	B2.601 B2.402	TĐ	KTQT	29/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N27	Dự thảo	
2	MAG322_2311_11_L27	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	5	1-5	5-8 13-17	B2.503 B2.504	TĐ	QTKD	30/01/2024	C3	2	TĐ	11	K11N27	Dự thảo	PM
3	MKE308_231_11_L27	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	S	4	1-5	5-8 13-17	B2.503 B2.402	TĐ	QTKD	25/01/2024	C3	2	TĐ	11	K11N27	Dự thảo	PM
4	AMA301_2311_11_L27	Toán cao cấp 1	2	30	GĐBC	TCNH	S	2	1-5	5-8 13-14	B2.302 B2.302	TĐ	BMT	26/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N27	Dự thảo	
5	LAW349_2311_11_L27	Pháp luật đại cương	2	30	GĐBC	TCNH	S	3	1-5	5-8 13-14	B2.504 B2.601	TĐ	LKT	31/01/2024	4	2	TĐ	11	K11N27	Dự thảo	
6	AMA302_2311_11_L27	Toán cao cấp 2	2	30	GĐBC	TCNH	S	2 5	1-5 1-5	15-20 18	B2.205 B2.303	TĐ	BMT	27/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N27	Dự thảo	
KHÓA 11 NHÓM 28 (QTKD)																					
1	MES303_2311_11_L28	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	6	1-5	5-8 13-17	B2.502 B2.402	TĐ	KTQT	29/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N28	Dự thảo	
2	MAG322_2311_11_L28	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	5	1-5	5-8 13-17	B2.503 B2.504	TĐ	QTKD	30/01/2024	C3	2	TĐ	11	K11N28	Dự thảo	PM
3	MKE308_231_11_L28	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	4	1-5	5-8 13-17	B2.504 B2.403	TĐ	QTKD	25/01/2024	C3	2	TĐ	11	K11N28	Dự thảo	PM
4	AMA301_2311_11_L28	Toán cao cấp 1	2	30	GĐBC	QTKD	C	2	1-5	5-8 13-14	B2.601 B2.501	TĐ	BMT	26/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N28	Dự thảo	
5	LAW349_2311_11_L28	Pháp luật đại cương	2	30	GĐBC	QTKD	C	3	1-5	5-8 13-14	B2.504 B2.603	TĐ	LKT	31/01/2024	4	2	TĐ	11	K11N28	Dự thảo	
6	AMA302_2311_11_L28	Toán cao cấp 2	2	30	GĐBC	QTKD	C	2 5	1-5 1-5	15-20 18	B2.402 B2.304	TĐ	BMT	27/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N28	Dự thảo	
KHÓA 11 NHÓM 29 (QTKD)																					

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
1	MES303_2311_11_L29	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	5	1-5	5-8 13-17	B2.504 B2.601	TĐ	KTQT	29/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N29	Dự thảo	
2	MAG322_2311_11_L29	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	7	1-5	5-8 13-19	B2.503 B2.502	TĐ	QTKD	31/01/2024	C2	2	TĐ	11	K11N29	Dự thảo	PM
3	MKE308_231_11_L29	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	3	1-5	5-8 13-17	B2.601 B2.602	TĐ	QTKD	26/01/2024	S1	2	TĐ	11	K11N29	Dự thảo	PM
4	AMA301_2311_11_L29	Toán cao cấp 1	2	30	GĐDC	QTKD	S	4	1-5	5-8 13-14	B2.504 B2.403	TĐ	BMT	25/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N29	Dự thảo	
5	LAW349_2311_11_L29	Pháp luật đại cương	2	30	GĐDC	QTKD	S	2	1-5	5-8 13-14	B2.303 B2.303	TĐ	LKT	30/01/2024	4	2	TĐ	11	K11N29	Dự thảo	
6	AMA302_2311_11_L29	Toán cao cấp 2	2	30	GĐDC	QTKD	S	4	1-5	15-20	B2.403	TĐ	BMT	27/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N29	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 30 (QTKD)																				
1	MES303_2311_11_L30	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	5	1-5	5-8 13-17	B2.504 B2.601	TĐ	KTQT	29/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N30	Dự thảo	
2	MAG322_2311_11_L30	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	7	1-5	5-8 13-19	B2.503 B2.502	TĐ	QTKD	31/01/2024	C2	2	TĐ	11	K11N30	Dự thảo	PM
3	MKE308_231_11_L30	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	3	1-5	5-8 13-17	B2.601 B2.604	TĐ	QTKD	26/01/2024	S1	2	TĐ	11	K11N30	Dự thảo	PM
4	AMA301_2311_11_L30	Toán cao cấp 1	2	30	GĐDC	QTKD	C	4	1-5	5-8 13-14	B2.601 B2.404	TĐ	BMT	25/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N30	Dự thảo	
5	LAW349_2311_11_L30	Pháp luật đại cương	2	30	GĐDC	QTKD	C	2	1-5	5-8 13-14	B2.602 B2.502	TĐ	LKT	30/01/2024	4	2	TĐ	11	K11N30	Dự thảo	
6	AMA302_2311_11_L30	Toán cao cấp 2	2	30	GĐDC	QTKD	C	4	1-5	15-20	B2.404	TĐ	BMT	27/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N30	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 31 (QTKD)																				
1	MES303_2311_11_L31	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	4	1-5	5-8 13-17	B2.601 B2.404	TĐ	KTQT	29/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N31	Dự thảo	
2	MAG322_2311_11_L31	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	3	1-5	5-8 13-17	B2.602 B2.603	TĐ	QTKD	31/01/2024	C2	2	TĐ	11	K11N31	Dự thảo	PM
3	MKE308_231_11_L31	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	S	2	1-5	5-8 13-17	B2.304 B2.304	TĐ	QTKD	26/01/2024	S2	2	TĐ	11	K11N31	Dự thảo	PM
4	AMA301_2311_11_L31	Toán cao cấp 1	2	30	GĐDC	QTKD	S	7	1-5	5-8 13-14	B2.504 B2.503	TĐ	BMT	25/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N31	Dự thảo	
5	LAW349_2311_11_L31	Pháp luật đại cương	2	30	GĐDC	QTKD	S	5	1-5	5-8 13-14	B2.601 B2.602	TĐ	LKT	30/01/2024	4	2	TĐ	11	K11N31	Dự thảo	
6	AMA302_2311_11_L31	Toán cao cấp 2	2	30	GĐDC	QTKD	S	5	1-5	15-20	B2.602	TĐ	BMT	27/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N31	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 32 (QTKD)																				
1	MES303_2311_11_L32	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	4	1-5	5-8 13-17	B2.602 B2.501	TĐ	KTQT	29/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N32	Dự thảo	

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
2	MAG322_2311_11_L32	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	3	1-5	5-8 13-17	B2.602 B2.701	TĐ	QTKD	31/01/2024	C3	2	TĐ	11	K11N32	Dự thảo	PM
3	MKE308_231_11_L32	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	C	2	1-5	5-8 13-17	B2.603 B2.503	TĐ	QTKD	26/01/2024	S2	2	TĐ	11	K11N32	Dự thảo	PM
4	AMA301_2311_11_L32	Toán cao cấp 1	2	30	GĐDC	QTKD	C	7	1-5	5-8 13-14	B2.504 B2.503	TĐ	BMT	25/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N32	Dự thảo	
5	LAW349_2311_11_L32	Pháp luật đại cương	2	30	GĐDC	QTKD	C	5	1-5	5-8 13-14	B2.601 B2.602	TĐ	LKT	30/01/2024	4	2	TĐ	11	K11N32	Dự thảo	
6	AMA302_2311_11_L32	Toán cao cấp 2	2	30	GĐDC	QTKD	C	5	1-5	15-20	B2.602	TĐ	BMT	27/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N32	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 33 (KT)																				
1	MES303_2311_11_L33	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	2	1-5	5-8 13-17	B2.305 B2.305	TĐ	KTQT	29/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N33	Dự thảo	
2	MAG322_2311_11_L33	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	4	1-5	5-8 13-17	B2.602 B2.501	TĐ	QTKD	31/01/2024	C3	2	TĐ	11	K11N33	Dự thảo	PM
3	MKE308_231_11_L33	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	7	1-5	5-8 13-19	B2.601 B2.504	TĐ	QTKD	26/01/2024	S2	2	TĐ	11	K11N33	Dự thảo	PM
4	AMA301_2311_11_L33	Toán cao cấp 1	2	30	GĐDC	KT	S	5	1-5	5-8 13-14	B2.602 B2.603	TĐ	BMT	25/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N33	Dự thảo	
5	ACC310_231_11_L33	Nhập môn ngành Kế toán	2	30	GĐDC	KT	S	6	1-5	5-8 13-14	B2.602 B2.403	TĐ	BMT	27/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N33	Dự thảo	
6	LAW349_2311_11_L33	Pháp luật đại cương	2	30	GĐDC	KT	S	6	1-5	15-20	B2.304	TĐ	LKT	30/01/2024	4	2	TĐ	11	K11N33	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 34 (KT)																				
1	MES303_2311_11_L34	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	2	1-5	5-8 13-17	B2.604 B2.504	TĐ	KTQT	29/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N34	Dự thảo	
2	MAG322_2311_11_L34	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	4	1-5	5-8 13-17	B2.603 B2.502	TĐ	QTKD	31/01/2024	C3	2	TĐ	11	K11N34	Dự thảo	PM
3	MKE308_231_11_L34	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	7	1-5	5-8 13-19	B2.601 B2.504	TĐ	QTKD	26/01/2024	S3	2	TĐ	11	K11N34	Dự thảo	PM
4	AMA301_2311_11_L34	Toán cao cấp 1	2	30	GĐDC	KT	C	5	1-5	5-8 13-14	B2.602 B2.603	TĐ	BMT	25/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N34	Dự thảo	
5	ACC310_231_11_L34	Nhập môn ngành Kế toán	2	30	GĐDC	KT	C	6	1-5	5-8 13-14	B2.503 B2.403	TĐ	BMT	27/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N34	Dự thảo	
6	LAW349_2311_11_L34	Pháp luật đại cương	2	30	GĐDC	KT	C	6	1-5	15-20	B2304	TĐ	LKT	30/01/2024	4	2	TĐ	11	K11N34	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 35 (KT)																				
1	MES303_2311_11_L35	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	6	1-5	5-8 13-17	B2.603 B2.404	TĐ	KTQT	29/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N35	Dự thảo	
2	MAG322_2311_11_L35	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	2	1-5	5-8 13-17	B2.306 B2.306	TĐ	QTKD	24/01/2024	S2	2	TĐ	11	K11N35	Dự thảo	PM

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
3	MKE308_231_11_L35	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	4	1-5	5-8 13-17	B2.603 B2.502	TĐ	QTKD	26/01/2024	S3	2	TĐ	11	K11N35	Dự thảo	PM
4	AMA301_2311_11_L35	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	KT	S	5	1-5	5-8 13-14	B2.603 B2.604	TĐ	BMT	25/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N35	Dự thảo	
5	ACC310_231_11_L35	Nhập môn ngành Kế toán	2	30	GDĐC	KT	S	7	1-5	5-8 13-14	B2.602 B2.601	TĐ	BMT	27/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N35	Dự thảo	
6	LAW349_2311_11_L35	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	KT	S	2	1-5	15-20	B2.302	TĐ	LKT	30/01/2024	4	2	TĐ	11	K11N35	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 36 (KT)																				
1	MES303_2311_11_L36	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	6	1-5	5-8 13-17	B2.504 B2.404	TĐ	KTQT	29/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N36	Dự thảo	
2	MAG322_2311_11_L36	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	2	1-5	5-8 13-17	B2.701 B2.601	TĐ	QTKD	24/01/2024	S2	2	TĐ	11	K11N36	Dự thảo	PM
3	MKE308_231_11_L36	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	4	1-5	5-8 13-17	B2.604 B2.503	TĐ	QTKD	26/01/2024	S3	2	TĐ	11	K11N36	Dự thảo	PM
4	AMA301_2311_11_L36	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	KT	C	5	1-5	5-8 13-14	B2.603 B2.604	TĐ	BMT	25/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N36	Dự thảo	
5	ACC310_231_11_L36	Nhập môn ngành Kế toán	2	30	GDĐC	KT	C	7	1-5	5-8 13-14	B2.602 B2.601	TĐ	BMT	27/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N36	Dự thảo	
6	LAW349_2311_11_L36	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	KT	C	2	1-5	15-20	B2.501	TĐ	LKT	30/01/2024	4	2	TĐ	11	K11N36	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 37 (KT)																				
1	MES303_2311_11_L37	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	5	1-5	5-8 13-17	B2.604 B2.701	TĐ	KTQT	29/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N37	Dự thảo	
2	MAG322_2311_11_L37	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	2	1-5	5-8 13-17	B2.307 B2.307	TĐ	QTKD	24/01/2024	S2	2	TĐ	11	K11N37	Dự thảo	PM
3	MKE308_231_11_L37	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	7	1-5	5-8 13-19	B2.603 B2.602	TĐ	QTKD	26/01/2024	C1	2	TĐ	11	K11N37	Dự thảo	PM
4	AMA301_2311_11_L37	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	KT	S	4	1-5	5-8 13-14	B2.604 B2.503	TĐ	BMT	25/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N37	Dự thảo	
5	ACC310_231_11_L37	Nhập môn ngành Kế toán	2	30	GDĐC	KT	S	3	1-5	5-8 13-14	B2.603 B2.604	TĐ	BMT	27/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N37	Dự thảo	
6	LAW349_2311_11_L37	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	KT	S	3	1-5	15-20	B2.502	TĐ	LKT	30/01/2024	4	2	TĐ	11	K11N37	Dự thảo	
	KHÓA 11 NHÓM 38 (KT)																				
1	MES303_2311_11_L38	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	5	1-5	5-8 13-17	B2.604 B2.701	TĐ	KTQT	29/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N38	Dự thảo	
2	MAG322_2311_11_L38	Quản trị học	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	2	1-5	5-8 13-17	B2.702 B2.602	TĐ	QTKD	31/01/2024	C1	2	TĐ	11	K11N38	Dự thảo	PM
3	MKE308_231_11_L38	Nguyên lý Marketing	3	45	Cơ sở ngành	KT	C	7	1-5	5-8 13-19	B2.603 B2.602	TĐ	QTKD	26/01/2024	C1	2	TĐ	11	K11N38	Dự thảo	PM

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	ĐỢT THI/HỌC	CƠ SỞ THI	KHÓA	NHÓM	GHI CHÚ 1	GHI CHÚ 2 (THI PM)
4	AMA301_2311_11_L38	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	KT	C	4	1-5	5-8 13-14	B2.701 B2.504	TĐ	BMT	25/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N38	Dự thảo	
5	ACC310_231_11_L38	Nhập môn ngành Kế toán	2	30	GDĐC	KT	C	3	1-5	5-8 13-14	B2.603 B2.903	TĐ	BMT	27/01/2024	2	2	TĐ	11	K11N38	Dự thảo	
6	LAW349_2311_11_L38	Pháp luật đại cương	2	30	GDĐC	KT	C	3	1-5	15-20	B2.503	TĐ	LKT	30/01/2024	4	2	TĐ	11	K11N38	Dự thảo	

- **Lưu ý:** - 36 TTĐ: 36 Tôn Thất Đạm, Quận 1, Tp. HCM;
- 39 HN: 39 Hàm Nghi, Q.1, Tp. HCM;
- TĐ: Khu B, C: 56 Hoàng Diệu 2, Q. Thủ Đức, Tp. HCM;
- Sân: Sân quần vợt, Sân bóng bàn, Q. Thủ Đức.

Nơi nhận:
- Các Khoa; Bộ môn; TTĐT TCNH; TT TH NN;
- Lưu: PĐT, Ban QL CLC.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Huỳnh Uyên